Chữ nghĩa làng văn

"Chữ nghĩa làng văn" đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra "sai" hay "đúng", vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

***

Phỉ phong

Ngần ngừ nàng mới thưa rằng
Thói nhà băng thuyết chất hằng *phỉ phong*
(Kiều - Nguyễn Du)

Rau *phỉ,* rau *phong*. Chỉ nhà nghèo ăn hai thứ rau "tập tàng" này.

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

Tiếu tự thư sinh lạc đệ thì

"Lạc đệ thì" ở đây không có nghĩa là *"lạc đề thi".*
Thì là *khi*, là *lúc. "Lạc đề"* là *"thi hỏng".* Toàn câu có nghĩa "cười như thư sinh khi hỏng thi". Nghĩa là cười không…vui.

Trong khi khóc như thiếu nữ về nhà chồng, khóc mà…vui.
Hai câu đi đôi với nhau là:
Khấp như thiếu nữ vu quy nhật
Tiếu tự thư sinh lạc đệ thì

(Duy Lý – báo Tự Do)

Nói lái trong câu đố

Cũng như ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố cũng là một hình thái của văn học dân gian. Những câu đố nói lái thường hay bị *tròng tréo chữ nghiã* đôi khi không đáp được,

Thí dụ:
Bò la, bò liệt đố ai biết gì?
(củ khoai lang)

Hít vào, hít ra, hít một là gì ?
(hột mít)

Cái gì ở cạnh bờ sông,
Cái mui thì nát cái cong thì còn ?

(con còng)

(Nguyễn Văn Hiếu - Nói lái trong ngôn ngữ và văn học Việt Nam)

Chữ nghĩa đường văn ngõ chữ
Một số *từ ngữ cổ* hiện nay vẫn còn dùng

Trong từ *'chợ búa'* thì *'búa'* có nghĩa là gì?
'Búa' trong 'chợ búa' chắc chắn không liên quan đến cái búa để đốn cây rồi. Tuy còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng được xem là vững chắc nhất thì cho rằng 'búa' là âm xưa của chữ [铺], âm Hán Việt hiện đại là của chữ này là *'phố'*, nghĩa là *cửa hàng*, là nơi buôn bán. Chợ búa nói chung là nơi người ta tụ tập mua bán.

'Búa' trong tiếng Việt dần dần mất nghĩa và không dùng độc lập, nếu nói nó vô nghĩa thì không đúng. Tiếng Việt có rất nhiều từ cổ bị mất nghĩa khi đứng một mình, nhưng chúng không vô nghĩa.

(Nguyễn Lương Thịnh)

200 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hoài Nam: Còn về các nhân vật, thường là hư cấu hay có dựa vào kinh nghiệm bản thân hoặc theo nhân vật có thật ngoài đời ?

Tuý Hồng: Theo nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, tâm lý nhân vật là phần quan trọng. Trước năm 1975, nhà phê bình Lê Châu tức chủ bút Lê Ngộ Châu nguyệt san Bách Khoa, theo Lê Tất Điều, là người đọc bài vở để chọn đăng, kỹ hơn các báo khác.
Các tác giả đến toà soạn đưa bài nghe những câu như: " Về phía các tác giả nữ, Nguyễn Thị Vinh viết "tới", gần sự thật hơn, các nhân vật, nhất là các vai đàn bà trong truyện được ghi đậm nét hơn, nói lên được lòng tốt và đức tính hiền lành của họ." …

Các nhà văn nữ tiếp theo …có lối viết mới hơn, kêu hơn, vào sâu hơn trong vấn đề tình dục, nhưng vấp phải cái hỏng ở phần xây dựng nhân vật : *họ không vẽ được cái mặt và cái chân tướng của người đàn ông, nghĩa là không hiểu tâm lý đàn ông.* Trùng Dương khá nhất trong đám, tả người đàn ông ra đàn ông khi đi đứng, lúc nói cười, lúc đưa điếu thuốc lên môi …Trong cách mô tả này, Trùng Dương làm được việc hơn Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thuỵ Vũ …Những người này đã chỉ cố nặn ra những hình người với những đường nét mờ, những chân dung xa lạ ngay cả với chính họ. Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thuỵ Vũ và v.v. … đã tự thuật, đã *ca tụng cái "ta" nhiều quá* nên trong tác phẩm của họ âm thịnh dương suy.

Lê Châu nói thêm : *"Đổi đề tài đi chứ ! Tại sao nhân vật của Tuý Hồng cứ phải là cô giáo ? Tại sao Thuỵ Vũ cứ chuyên viết về những cô gái bán snack bar ?".* Cổ nhân có nói tả người khó, tả ma quỷ dễ. Trong những tác phẩm xưa, ta nhận thấy có sự hoà hợp âm dương, có người có ta, có đàn ông và có đàn bà.
Đọc văn đàn bà ngày nay, ta nhận thấy đàn ông trong các tác phẩm hình như phải nhận một hình phạt nho nhỏ nào đó. Phải chăng trên cõi đời này đàn bà đã yêu đàn ông nhiều hơn họ được yêu lại? Phải chăng khi đọc họ, ta nghe được tiếng kêu buồn của tình yêu không được thoả mãn?

Qua những nhận xét của Lê Châu, ta có nên nghĩ rằng viết về tình dục đòi hỏi một ngòi bút am hiểu, kinh nghiệm; không nên ngây thơ, không hiểu đàn ông. Ông là ai ?

Mới đây, năm ngoái, Thuỵ Vũ đã trả lời trong bài phỏng vấn Thuỵ Vũ Chăn Dê :

” Người nào *vô văn chương mà ghê gớm*, đó là vì trong đời sống hằng ngày người ta *hiền quá*, mới nhảy vô văn chương *mà phá* .”

(Hoài Nam phỏng vấn nhà văn Túy Hồng)

Ca dao hiện thực

Con cò mà đi ăn đêm
Lỡ mà bị bắt vặt lông nấu liền

(Jap Tiên sinh)

Vũ Bằng: nghệ thuật viết chân dung

Những trang viết về “Vua phóng sự” Vũ Trong Phụng của Vũ Bằng có lẽ là bức chân dung sinh động và độc đáo nhất về Vũ Trọng Phụng: Dường như cả cuộc đời Vũ Trong Phụng dần dần hiện ra, từ lúc còn đi học, rồi làm báo, viết văn cho đến lúc chết! Nhiều lúc tôi cứ nghĩ, nếu như được tiếp xúc với Vũ Bằng lúc ông còn sống, tôi sẽ viết cuốn tiểu thuyết về “Ông Vua tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng”.

Song, điều đó không xảy ra! Vậy chúng ta hãy đọc những nét phác họa về Vũ Trọng Phụng của Vũ Bằng:
“Phụng và tôi là bạn học từ lớp dự bị trường Hàng Vôi. Ở trường này ra, tôi theo học Lycée Albert Sarraut, còn Phụng lúc được mười tám, mười chín tuổi phải đi làm thư ký cho nhà in IDEO, kiếm mỗi tháng mười hai đồng bạc để về nuôi bà và nuôi mẹ.
Vì không đủ sống một phần, mà cũng vì thích viết văn, đọc báo phần khác, đến tối về nhà, anh viết truyện ngắn bán cho tờ “Ngọ Báo” của Bùi Xuân Học và “Nông Công Thương” của Phạm Chân Hưng. Những truyện ngắn đầu tay của Vũ Trọng Phụng là những truyện “bực thầy”.

Bây giờ nhắc đến anh, ai cũng nhớ đến Số đỏ, Giông tố, Trúng số độc đắc, Dứt tình, hay những phóng sự như Cạm bẫy người, Kỹ nghệ lấy Tây, mà ít có ai nhớ rằng Vũ Trọng Phụng nổi tiếng một thời là vì những truyện ngắn như *Chống nạng lên đường, Cái răng vàng* và nhiều truyện khác nữa mà tôi không nhớ tên đề, trong đó có một truyện đăng báo Nông Công Thương, thuộc về loại hiện thực, tả một gia đình ở Hàng Bạc có mấy cô con gái đứng trong mành mành nhìn trai ở ngoài đường và tối đến lại tụ họp gảy đàn xừ, xang, xê, líu, cộng”.

(Đỗ Ngọc Thạch)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Ba mươi năm: Khoảng cách và dấu nối

Trần Nhuệ Tâm: Ông gặp một thi sĩ/văn sĩ Việt kiều lần đầu ở: phi trường. Trước đó ông biết họ qua tác phẩm nào? Điều gì từ tác phẩm đó đã gây ấn tượng cho ông?

Nguyễn Trọng Tạo: Hồi đầu những năm 90 thế kỷ trước tôi sống ở Huế và đã gặp ở đó khá nhiều văn nghệ sĩ hải ngoại về thăm đất nước. Hầu hết những người tôi được gặp thì trước đó tôi đã được đọc được biết tên họ trên sách báo hải ngoại hoặc trong nước. Có người tôi đã được đọc họ từ trước 1975. Những người tôi gặp thường là những tên tuổi quen thuộc. Đỗ Khiêm cùng ông Hoàng Hoa Khôi đến tư gia thăm tôi. *Thuỵ Khuê cùng chồng con xuống ga tàu hoả Huế được tôi và Hoàng Phủ Ngọc Tường đón về Khách sạn và đưa đi thăm di tích danh thắng và gặp nhiều văn nghệ sĩ Huế.*

Tôi và *Hoàng Phủ Ngọc Tường* cũng đã đón Khánh Trường từ sân bay Phú Bài. Du Tử Lê sau ba lần về Huế mới quyết định đến gõ cửa nhà tôi và *Hoàng Phủ Ngọc Tường* rồi *hơn 10 năm sau lại gặp nhau ở Hà Nội.* Trần Vũ tìm tôi ở Huế không gặp chục năm sau tôi lại tìm được Vũ tại Pais và đến nhà chơi. Mai Ninh cũng đã cùng chúng tôi đi thuyền rồng sông Hương thăm lăng Minh Mạng. Nhiều lần hẹn nhau với anh *Đặng Tiến* mới gặp được nhau tại nhà anh Dương Tường. Những người ấy đều ghi dấu ấn sâu đậm trong tôi bằng tác phẩm và những hoạt động văn học của họ. Đấy là những người Việt muốn cùng với những người cùng nòi giống tôn vinh văn chương tiếng Việt dù phong cách và quan niệm khác nhau.

(Trần Nhuệ Tâm thực hiện)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Người ta đã thống kê được rằng, cuộc đời một
người đàn ông hầu hết gắn bó với chữ “ăn”.
Khi "ăn nên làm ra" thì "ăn sung mặc sướng",
rồi sanh tật "ăn gian", nói dối vợ là đi "ăn cơm khách"
nhưng thực ra là đi "ăn vụng" hay gọi là "ăn bánh trả tiền"
với các cô gái "ăn sương". Về nhà với vợ thì "ăn đàng sóng,
nói đàng gió"; trót lọt thì không sao, rủi đổ bể thì có mà…
mà…"ăn cám" hoặc…"ăn đòn".

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây *

Thế là đã 7 năm vắng bóng nhà thơ Phạm Tiến Duật trên cõi đời này.

(Nhà thơ Phạm Tiến Duật)

Cuối tháng chạp vừa rồi, gia đình mới sang cát cho anh, cũng vẫn ở trong nghĩa trang Văn Điển thôi nhưng là tại khu A. Chị Vân, vợ anh, có mời tôi đến thắp hương cùng nhưng do kẹt công việc đột xuất nên tôi đành khất hẹn lại sau... Cũng vì thế nên tôi cứ canh cánh trong lòng, vì với tôi, nhà thơ Phạm Tiến Duật không chỉ là một bậc đàn anh trong thơ mà còn là người mà ít nhiều tôi đã có một giai đoạn cực kỳ gắn bó... Anh đã có vai trò không nhỏ trong những bước đường trưởng thành của tôi trong thơ...

Với tư cách nhà báo, tôi đã được khá nhiều lần hầu chuyện nhà thơ Phạm Tiến Duật. Và những ghi chép từ những lần hầu chuyện đó cho tới hôm nay vẫn là nguồn tư liệu quý báu, gợi mở nhiều suy ngẫm... Cuộc trò chuyện sau đây đã diễn ra từ hơn mười năm trước. Khi đó, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã tới tòa soạn trên phố Yết Kiêu để trò chuyện cùng nhóm phóng viên chúng tôi là nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, và tôi...

Có điều lạ là càng nhiều thời gian trôi qua, đọc lại những câu tâm sự của nhà thơ Phạm Tiến Duật, cá nhân tôi càng thấy yêu quý và xót xa anh hơn...
- Anh bắt đầu ở trong quân đội với vai trò là người thầy giáo? Anh học xong sư phạm đúng không?
- Học xong sư phạm Văn. Rồi tôi vào bộ đội nhưng không phải là vào Đoàn 559 ở Trường Sơn ngay đâu, mà đã là pháo thủ số 4 pháo cao xạ ở Tiểu đoàn 24 pháo cao xạ Tây Bắc. Đó là một tiểu đoàn độc lập, trực thuộc Quân khu, có nhiệm vụ bảo vệ sân bay Nà Sản. Tôi đã ở đó mấy tháng, từ tháng 8/1964 đến tháng 12/1964. Lúc đó, tất cả đều lên Tây Bắc. Vương Trí Nhàn cũng lên Tây Bắc vì hồi đó cứ đăng ký bộ đội là lên Tây Bắc hết. Sau này mới kéo xuống phân bổ cho

các tổng cục. Đấy là lứa tốt nghiệp đại học đầu tiên vào bộ đội. Trước đó thì họ chưa hề lấy một khoá nào khác, sau đó, họ lấy cả sinh viên chưa tốt nghiệp. Còn khoá tôi là đã tốt nghiệp, thậm chí còn ở lại giảng dạy.

(Hồng Thanh Quang)

* Bài thơ *Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây* tôi (Phạm Tiến Duật) sáng tác cuối năm 1969 tại một làng nhỏ bên bờ sông Son của tỉnh Quảng Bình, làng Cổ Giang, một làng nghèo khó mà nền nếp.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Học làm chi, thi làm gì .
Tú Xương cũng rớt, huống chi là mình.

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ - 1
Thể văn "Ký sự"

Thượng kinh ký sự - Hải Thượng Lãn Ông
Viếng chùa Trấn Quốc

Một ngày kia, trời sắp tối, thấy tân khoa Vũ tạo sĩ đến chỗ tôi ngụ. Tôi hỏi rằng: "Quý hầu đến có việc gì lúc trời tối này?" - Đáp rằng: "Quốc sư Tào quận công bị bệnh kiết lỵ, sai đến mời". Tôi toan hỏi chuyện ông ta thì lại thấy bà vợ quan phủ Duy Tiên cũ là người cố hương, và cũng là người ngoại tộc của tôi đến đón tôi đi.
Việc chữa bệnh xong, đến ngày về kinh thì thấy ở cửa dinh mấy chiếc thuyền buộc ở góc Tây Hồ. Tôi mới nói với họ rằng: "Ngày hôm nay nắng lắm, nếu theo đường bộ trở về thì rất mệt nhọc, xin quan cho một chiếc thuyền để dùng cho tiện". Một lúc sau thuyền đến giữa hồ, lướt qua mặt một hòn núi đá. Gác chuông chùa nọ, tiếng vang như giục mặt trời lặn; thuyền đánh cá kia, câu hát dường tiễn bóng chiều tà.

Tôi ở trong thuyền, khoái ý khôn xiết kể, bỗng thấy ở đằng xa một nơi điện các nguy nga, tùng bách rợp đất; chèo thuyền thẳng tới mới biết đó là chùa Trấn Quốc. Tôi sai chèo vào. Tôi bước lên bờ, ngồi trên ghế đá một mình, cạnh một cổ thụ. Tôi đưa mắt coi đây đó một cách nhàn nhã, bỗng thấy thổn thức trong lòng, hai hàng giọt lệ từ từ tuôn rơi. Bọn người nhà tôi kinh ngạc hỏi duyên cớ. Tôi nói:
"Thuở thiếu thời tại Kinh, tôi cùng với mấy người bạn kết làm thi xã, có ước với nhau là cứ về mùa xuân và mùa thu thì cùng đến Hồ Tây tìm thú vui. Mỗi khi đến lại chuẩn bị rượu uống và đồ nhắm, thuê ba, bốn chiếc thuyền đánh cá ra giữa hồ mà du ngoạn, tiếng sáo tiếng ca vang dội tứ phía.

Đêm khuya anh em vào chùa Trấn Vũ ngủ lại, có khi năm ba ngày mới ra về. Đau lòng thay! Khách và bạn nay chẳng còn thấy ai nữa, cho nên ngày hôm nay thấy cảnh động lòng. Như về phía tây mấy gốc cây già, bên nước hồ một dải rừng trúc, trước mặt là nước hồ, sau lưng là gác chuông, tất cả còn như xưa. Nay trông thấy vật lại tưởng nhớ người; nếu ruột gan là sắt đá cũng phải mềm đi vậy, trong dạ trăm mối u sầu vương vấn…"

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Người đen mà ốm lại cao
Tóc quăn, môi lớn, lao đao tháng ngày

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ - 2
Thể văn "Tùy bút"

Thượng kinh ký sự - Hải Thượng Lãn Ông
Chuyện cũ Tây hồ

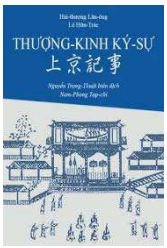

Khoảng năm Ất Mùi (1774-1775) trong nước vô sự, Thịnh Vương (Trịnh Sâm) (1) thích chơi đèn đuốc, thường ngự ở các ly cung bên Tây hồ. Việc xây dựng đình đài cứ liên miên. Mỗi tháng ba bốn lần, Vương ra bên bờ Tây hồ, binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ.

Thuyền ngự đi đến đâu thì các quan tùy ý ghé vào bờ mua bán các thứ như ở cửa hàng trong chợ. Hay ghé chùa Trấn Quốc, hay dưới bóng cây bến đá nào đó. Buổi ấy, bao nhiêu loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, chúa đều sức thu lấy, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổ, lại bốn người đi kèm, cầm gươm đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng cho đều tay. Trong phủ, tùy chỗ, điểm xuyến bày vẽ ra hình núi non bộ trông giống như bến bể đầu non.

Mỗi đêm khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót vang khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn. Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt, khướu hay, thì biên ngay hai chữ "phụng thủ". Đêm đến, các cậu trèo qua tường thành lẻn ra, sai tay chân đem lính tới lấy phăng đi rồi buộc cho tội đem dấu vật cung phụng để dọa lấy tiền. Hòn đá hoặc cây cối gì lớn quá, thậm chí phá nhà hủy tường để đem ra. Nhà ta ở phường Hà Khẩu (2), huyện Thọ Xương, trước nhà tiền đường cũng trồng hai cây lựu trăng, lựu đỏ, lúc ra quả trông rất đẹp, bà cung nhân ta sai chặt đi cũng vì cớ ấy.

(1) Còn gọi là Tịnh đô vương, từ năm 1767 đến năm 1782 đời Cảnh Hưng, Lê Hiển Tông.
(2) Phường Hà Khẩu là khu Hàng Buồm, Hà Nội bây giờ.

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Đàn ông không râu bất nghì
Đàn bà không vú lấy gì nuôi con

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ - 3
Thể văn "Tùy bút"

Vũ trung tùy bút – Phạm Đình Hổ

Vũ trung tùy bút, hiểu theo nghĩa *tùy theo ngọn bút viết trong khi mưa* Phạm Đình Hổ gọi tác phẩm của mình là *tùy bút*, nhưng nó không phải được viết theo lối tùy bút bây giờ, mà với nghĩa nôm na là tùy hứng, "muốn viết cái gì thì viết, không cần hệ thống, kết cấu và mạch lạc"…
Hay nói một cách khác trong 90 truyện dài ngắn của danh sĩ Phạm Đình Hổ là một tập *truyện ký* bằng chữ Hán, theo thể loại ký – một thể loại văn học đã để lại nhiều tác phẩm lớn do các nhà văn là nhà Nho sáng tác, như *Truyền kỳ mạn lục* (1547) của Nguyễn Dữ, *Phủ biên tạp lục* (1776), *Kiến văn tiểu lục* (1777) của Lê Quý Đôn, Thượng Kinh ký sự (1783) của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, v…v…

Phạm Đình Hổ (1768-1839) tên chữ là Tùng Niên, Bỉnh Trực, hiệu:Đông Dã Tiều, tục gọi là Chiêu Hổ. Người làng Đan Loan, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương. Sinh trong một gia đình khoa bảng, ngay từ nhỏ, Phạm Đình Hổ đã tỏ chí "*Làm người con trai phải lập thân hành đạo...Lấy văn thơ nổi tiếng ở đời...".* Tuy học và đọc nhiều sách (9 tuổi, ông đã đọc sách *Hán thư*), nhưng ông chỉ đỗ đến sinh đồ (tức tú tài) vào khoảng cuối đời Chiêu Thống.Gặp buổi loạn lạc, Phạm Đình Hổ sống đời hàn nho dạy học ở quê. Đến khi Gia Long lên ngôi, cho khôi phục lại việc thi cử, ông có đi thi Hương ba lần, nhưng đều không đỗ. Hồi ấy ông đang dạy học ở phường Thái Cực, huyện Thọ Xương trong thành Thăng Long, hằng ngày rèn luyện học trò và biên soạn sách. Ở đây, ông kết bạn thơ với nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Năm Tân Tỵ (1821), vua Minh Mạng ra Bắc. Khi ấy, Phạm Đình Hổ ở tuổi 53, vua vời ông đến hỏi về học vấn, thi cử và tình hình nhân tài đất Bắc. Lại khuyên hễ có những sách tiền triều, sách trước thuật...nên đem tiến trình. Ông bèn dâng lên nhà vua những sách do mình biên soạn, liền được triệu vào Huế nhận chức Hành tẩu Viện Hàn lâm. Nhưng chỉ được ít lâu, ông xin từ chức. Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), vua lại triệu ông, phong chức Thừa chỉ Viện Hàn Lâm, tiếp đến làm Tế tửu Quốc Tử Giám. Năm sau, ông lại xin nghỉ bệnh rồi từ chức. Sau, ông lại vào sung chức, được thăng Thị giảng học sĩ. Năm 1832, Phạm Đình Hổ xin về hưu…

(Đỗ Ngọc Thạch)

Thăng trầm chữ Việt

Những sáng tạo của các giáo sĩ phương Tây không thể không có sự góp phần của người bản xứ. Nhiều tài liệu đã nhắc tới "những người không tên" của các giáo sĩ. Theo xơ Jean Berchmans Minh Nguyệt trong tập san MISS của Vatican, giáo sĩ Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes) đã học tiếng Việt với *"một người thầy trạc 10-12 tuổi"*, người sau này trở thành thầy giảng đạo giúp việc cho các giáo sĩ. Giáo sĩ Đắc Lộ đã nói về "thầy" của mình: "Chỉ trong vòng ba tuần lễ, chú bé đã dạy tôi học biết tất cả các cung giọng khác nhau của tiếng Việt và cách thức phát âm của từng chữ".

Những người Việt trong nhà thờ
Theo văn khố Dòng Tên ở Roma có "một bức thư của thầy Igesco Văn Tín gửi cho linh mục Marini, viết ngày 12-9-1659" và "một tập lược sử nước Annam và một lá thư viết ngày 25-10-1659 của thầy Bento Thiện gửi linh mục Marini" hoàn toàn bằng chữ Việt (tập Lịch sử nước Annam). Đáng chú ý là tập *Lịch sử Annam* bằng tiếng Việt. Chỉ dài có 12 trang chữ nhỏ li ti khổ 19×28 (trang cuối khổ 12×6 và chỉ có chín dòng chữ) nhưng chứa đựng khá nhiều thông tin về lịch sử nước Việt từ thời Lạc Long Quân cho đến thời Trịnh Nguyễn. *Có thể coi đây là bản sơ thảo về lịch sử Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ Việt sau khi quyển từ điển tiếng Việt đầu tiên ra đời năm 1651.*

Còn Linh mục Thanh Lãng phát hiện Filiphé Bỉnh (1759-1832), một linh mục Dòng Tên người Việt, là người viết chữ Việt, hơn 100 năm sau đó. Filiphé Bỉnh có thể rời Việt Nam năm 1794 và cư ngụ tại Bồ Đào Nha 30 năm. Thanh Lãng chưa tìm thấy tiểu sử của Filiphé Bỉnh nhưng tìm thấy khá nhiều tài liệu bằng chữ Việt của ông lưu trữ tại Lisbon, Bồ Đào Nha. *Tới thành Macao* có lẽ là bài thơ bằng tiếng Việt đầu tiên do Filiphé Bỉnh sáng tác vào ngày 4 tháng chạp năm 1794. "Tôi đang gưỡi gắp (gửi gắm) chốn Ma cao. Hai chữ thanh nhàn xiết kể bao. …". Linh mục đã góp phần viết *Lược bày niêm luật làm văn làm thơ* (Compendium versificationis anamiticœ)…Ông còn để lại một số tác phẩm bằng quốc ngữ như *Nước trời ca, Phi năng thi tập*

Sau Filiphé Bỉnh là những ai đã học chữ Việt?
Ít nhất chúng ta biết được một người, đó là linh mục Phillipe Phan Văn Minh, người đã góp sức cùng giáo sĩ Taberd viết cuốn *Tự vị Taberd* tại Ấn Độ và cũng là người mang cuốn sách này về Việt Nam. Linh mục Phan Văn Minh (1815-1853) đồng hương với Trương Vĩnh Ký ở Cái Mơn, tỉnh Vĩnh Long (nay là Bến Tre).

(Trần Nhật Vy)

Cơm làng

Từ thế kỷ XV, nhà Lê trọng Nho giáo nên đình làng được xây dựng khắp nơi để điều hành mọi việc trong làng.

Đền là nơi *thường trú của thần có tượng thờ*, còn đình là *nơi thờ thành hoàng* và cũng là làng tổ chức lễ và ăn uống khao vọng..

Nụ tầm xuân

Người con trai xuất hiện qua hai câu thơ đầu thoạt xem thấy khá vẽ vời. Dễ gây tương phản với cảnh tình đầy buồn thương, tiếc nuối. Xét kỹ vào sâu nội cảnh mới thấy không phải thế.
Người con *trai đã trèo lên cây rồi lại bước xuống vườn để hái hoa hái nụ tầm xuân.* Giá trị thực, quan trọng hơn mà cây hiến cho cuộc đời là trái quả thì người con trai, trong hoàn cảnh ấy đã không thể hái. Dù anh ta đã bước xuống cả một: vườn cà. Xin hiểu cho là hoa bưởi, tầm xuân nở vào tháng hai tháng ba, mà cà thì ra quả cũng vào thời gian này. Cà là thứ quả dùng để nén, muối và nấu canh ăn. Vì vậy, nhân vật "anh" trong ca dao mà hái thứ quả này tất nó sẽ gây cho cảnh nỗi buồn cô đơn.

Câu, *"Bước xuống vườn cà..."* không để "hái cà" mà lại đi *"hái nụ tầm xuân"* là *giấu đi kín nhẹm cái tình cảm* "Bao giờ cà chín cà xanh / Anh cho một quả để dành mớm con..." (Ca dao).
Hình ảnh người con trai bước gần lại bên người con gái "đã có chồng" mà anh ta hằng mơ tưởng.

(Bình giải của Đỗ Trọng Khơi)

Cơm làng tại đình

Đình là nơi làng tổ chức lễ và đình đám hội làng mở nhiều nhất vào mùa xuân.
Tháng giêng ăn Tết ở nhà
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.

Các lễ tiệc nhỏ hạn chế số người tham dự như ngày lễ sóc, vọng, lễ Thượng Điền và lễ Hạ Điền. .. Thí dụ, mỗi tháng *ngày sóc (mồng một) ngày vọng (hôm rằm),* mấy bô lão dâng oản chuối, trầu rượu để lễ thần. Đoạn đem chia một nửa làm cỗ " kiến viên " để các bô lão ở đó uống rượu, còn nửa kia chia mỗi người một miếng cho được " quân chiêm thần huệ"

Còn cơm làng mà cả dân làng đều dự thì được tổ chức vào ngày hội hè, đình đám cúng tế thành hoàng.
Vào dịp này, giết gà mổ heo, bò và dân làng vui vẻ đóng tiền để được dự tiệc, chia phần và có dịp ăn thịt. Tổ chức cơm làng được qui định trong hương ước của làng.

(Lạp Chúc Nguyễn Huy)

Một lần tới thủ đô

Sáng hôm sau, hai người bạn và tôi rủ nhau đi chơi ngay.
Hồ Gươm quả thật danh bất hư truyền, đẹp đến nao lòng. Tháp Rùa nổi lên giữa hồ trên một cù lao cỏ nhỏ xinh xinh. Xung quanh hồ là những cây liễu thướt tha soi bóng. Thật là một vẻ đẹp vô cùng lãng mạn. Tháp

Bút đúng là hai cây bút, chọc thẳng lên trời, biểu hiện cho tri thức kẻ sĩ Bắc Hà.

Có một điều cách Tháp Bút chừng hai trăm mét, ngay trên lối đi dạo quanh hồ là một công trình mang kiến trúc của *một cái lô cốt* thời Tây. Rất nhiều người ra vào đó, *người nào khi vào mặt cũng khó đăm đăm, nặng trình trịch, khi ra thì rất tươi*.
Về sau mới biết, đó là cái toa-lét công cộng.

Chúng tôi rủ nhau đi ăn phở. Tôi ra sức ca tụng với hai người bạn (đều là dân miền Tây) rằng phở là món ăn quốc hồn quốc tuý của ta. Chúng tôi vào một quán phở, quán vắng tanh, nhưng ngay cạnh đó là một quán phở khác, trên tay mỗi người lăm lăm tô phở. Hết bàn ghế, họ ngồi xổm ngay trên vỉa hè húp xì xoạp, vừa ăn vừa sỉ mũi xoèt xoẹt. Ông chủ quán bưng ra ba tô tái chín, bốc hơi nghi ngút, ngửi mùi tôi đã rạo rực. Một anh bạn tôi, theo thói quen, nói rất dõng dạc: "Cho xin chén giá chụng đi".
Ông chủ quán quay lại nhìn chúng tôi như nhìn người hành tinh, rồi bảo: "Giá chụng hả? Vào Sà Ghềnh mà ăn", ông ta nói với cách nhái giọng miền Nam, thái độ chẳng thân thiện gì. Tôi hết hồn nói nhỏ vào tai hắn: "Ăn đi, đòi hỏi vớ vẩn, người Hà Nội họ nền nếp lắm, lần sau nói năng phải thưa gửi đàng hoàng".

(Vương Văn Quang)

Cửa ô Thăng Long - Hà Nội xưa

Về hình thức, các cửa ô có hai loại: loại cửa vòm và lầu gác bên trên (có thể xây thành lối tam quan như Ô Quan Chưởng) và loại chỉ có hai trụ biểu cùng hai cánh cổng gỗ mở vào.

Bản đồ Hà Nội 1885 do người Pháp lập năm 1902, ghi chú chữ quốc ngữ.

(Cửa ô vẽ trên bản đồ Hà Nội 1885)

Cũng năm này, tấm bản đồ do Phạm Đình Bách vẽ lại năm 1873 có danh sách 15 cửa ô bằng song ngữ và đánh số. Năm 1890, tấm bản đồ bằng tiếng Pháp còn đánh dấu một số cửa ô sót lại như Porte Mandarine (Ô Đồng Lầm), Porte du Roi (Ô Chợ Dừa), Porte de Sontay (Ô Cầu Giấy), Porte de Hué (Ô Cầu Dền), đây là số ít địa danh có chữ "Ô" còn được dùng ngày nay.

Việc các cửa ô đổi tên nhiều lần, nhà nghiên cứu Nguyễn Vinh Phúc lý giải do chính các làng có cửa ô bị đổi tên. Do hay thay đổi sinh ra khó nhớ, dễ lẫn nên người dân thường gọi bằng tên nôm như Ô Hàng Đậu, Ô Quan Chưởng, Ô Cầu Dền, Ô Đống Mác…

Sự tích chúa Chổm

Về phố Cấm Chỉ, Long Điền Nguyễn Văn Minh viết:
"Lại xét địa đồ xưa, thành Thăng Long, ba phía đông, tây, bắc, mỗi phía có một cửa, duy phía nam có hai cửa: một cửa ở ngay vườn hoa Bách Việt bây giờ có con đường đi thẳng lên Cột cờ; một cửa nữa có lẽ vào phố hàng Đẫy khoảng nhà thương Saint Paul. (Theo bản đồ phác hoạ (schéma) Hà Nội năm 1876, trong quyển "Hanoi pendant la période héroique (1873-1888) của André Masson, in 1929, do nhà Librairie orientaliste Paul Geuthne).

Vậy có lẽ xưa lúc thiết đại triều ở Kính Thiên, tất phải cấm dân chúng đi lại gần cửa Nam để tiện giữ trật tự, vì thế mà có lệnh cấm từ con đường ngang cách cửa Nam một quãng, do đó thành tên là *con đường ngang Cấm Chỉ.*
Như thế, Cấm Chỉ có từ xưa, đời nhà Lý, chứ không phải có từ đời Lê trung hưng.".

Còn về cái tên Chúa Chổm, ông lập luận: "Chúa Chổm, dẫu là thực danh hay xước danh của một nhân vật nào, tất cũng phải từ sau năm quý tỵ (1593) tức là sau thời kỳ Trịnh Tùng xưng chúa".

(Tập san Nhân Loại số 16 và 17 Sàigòn).

Khoa cử thời xưa

Giai thoại trường thi

Chữ đẹp được tăng điểm, chữ xấu có thể bị đánh hỏng như trường hợp Nguyễn Văn Siêu người Hà Nội (1796-1872). Thi Hương đỗ đầu, bị xếp xuống hàng thứ hai. Thi Hội khóa đỗ tiến sĩ bị xếp xuống hàng phó bảng chỉ vì chữ "như gà bới".

Tự Đức trêu: "Thần đâu mà chữ xấu như ma – Lem lọ cho người ngó chẳng ra – Nếu phải họa bù trừ quỷ tặc – Khôn thiêng thì hãy hộ Hoàng gia".

(Giai thoại Thăng Long).

Những khuất lấp thời Hồng Bàng thị

Nhiều người viết sử để gây lòng "tự tin dân tộc". Bởi một nhà làm văn học trong nước "cuồng Việt", "cuồng sử" viết sử theo…"chủ nghĩa tự ái dân tộc" kéo dài sử Việt tới…70.000 năm.
Ngược dòng lịch sử với 20 năm VNCH, miên Nam có *Tập san Sử Địa*, gây được hứng khởi về sử Việt với tinh thần…"dân tộc chủ nghĩa". Vẫn chỉ là khai triển quyển *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim với tinh thần…"dân tộc chủ nghĩa".
Trong khi Tập san *Văn Sử Địa miền Bắc* với âm bản của sử quan nhà Nguyễn: Hùng Triêu vương làm *vua 94 năm, sống 286 tuổi có 60 vợ,* v…v…(nguồn : Nguyễn Văn Lục)

Thêm người thời nay với…"chủ nghĩa tự tôn dân tộc" với những triết lý thần học mông lung cho có vẻ uyên bác, sử gia tân đương đại ám chỉ linh mục triết gia Kim Định với Minh triết Việt. Vì vậy ông đã…ngôn sử chung chung như vầy: "Họ có thói quen lười nhác, lặp lại lời kẻ khác. Nói nghiêm chỉnh hơn, đó là do tác động đến tận tiềm thức của thành kiến, để nô lệ một cách vô thức. Họ trích dẫn chủ quan sai lạc từ các sự kiện trong sách sử từ xưa tới nay để viết về sử nước nhà". (nguồn : Tạ Chí Đại Trường)

Người Minh Hương

Đến Đình Minh Hương Gia Thạnh trên đường Trần Hưng Đạo. Đình là tòa nhà *cổ nhất Saigon, xây năm 1789*. Năm 1698, ở vùng này đã hình thành nên làng Minh Hương ở Gia Thạnh, làng Minh hương còn để lại câu ca dao
Gỏi chi ngon bằng gỏi tôm càng
Đố ai lịch sự cho bằng làng Minh Hương.

Lần trùng tu cuối cùng của đình là vào năm 1921. Trong đình, bên phải thờ Trần Thượng Xuyên (có 2 di ảnh tướng Trần Thượng Xuyên) và Nguyễn Hữu Cảnh, bên trái thờ Trịnh Hoài Đức và Ngô Gia Tịnh. Cạnh đó là 1 chuông đồng do vua Minh Mạng tặng, với sắc phong và chuyển tên từ làng thành đình. Chuông được gióng một năm một lần vào ngày 16/1. Sau chánh điện là sân rất rộng gọi là Thiên Quang Tỉnh (giếng trời). Đình Minh hương Gia Thạnh cũng là nơi tề tựu, gặp gỡ của nhóm Bình Dương thi xã, sáng lập bởi Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh, Lê Quang Định, với nhiều nhân sĩ đến đây để ngâm thơ, xướng họa vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19.

(Nguyễn Đức Hiệp)

Thành ngữ tục ngữ…sai

Nhanh như cái cắt
(Cắt là loài chim bay rất nhanh. Khen ai làm gì rất nhanh).

Chim cắt là loài chim dữ săn mồi. Bình thường chúng *không thuộc loài chim bay nhanh mà thường liệng tà tà trên bầu trời, khi phát hiện mục tiêu mới lao vút xuống như một mũi tên chộp gọn con mồi.* Như vậy "nhanh" ở đây không chỉ tốc độ chim bay nói chung mà là "nhanh" ở *động tác* săn mồi. Theo đó thành ngữ chỉ *hành động cụ thể*, không phải *việc làm nói chung.* Thành ngữ cũng không hẳn chỉ là *"khen ai"* mà là lời nhận xét, so sánh hành động, cử chỉ của ai đó rất *nhanh, mạnh, táo bạo và dứt khoát***.**

(Hoàng Tuấn Công)

Ngôn ngữ: thói "ăn" nếp "ở"
của người Việt qua cách nói

Chuyện lớn chỉ thực sự xảy ra, khi "ăn"… lỡ chung chạ với "nằm". Mẹ quát con gái: "Hả, cái gì? Bộ đui hay sao mà mày *ăn nằm* với cái thằng trời đánh thánh đâm đó?" Nhất định là phải có *"ăn"* vô đây thì "*nằm"* mới trọn nghĩa *"tằng tịu" xác thịt* không chính thức.

Vợ chồng với nhau, không ai (hoặc không nên) nói "ăn nằm", mà nói *"ăn ở".* Khi người vợ rưng rưng nước mắt trách cứ: "Vợ chồng mình *ăn ở* với nhau bảy mặt con, không còn tình cũng còn nghĩa, mình nỡ lòng nào *ăn nằm* với con ở. Bây giờ, nó chang bang một bụng, em biết *ăn nói* sao đây với con cái?".
Và, "ăn nói" trong tình huống này, có thêm nghĩa "giải thích, làm sáng tỏ", ở đây là lý do tại sao cái bụng chị ở không dưng càng ngày càng phình lớn một cách vô cùng khó hiểu.

Chuyển qua *"ăn vụng".* Nghĩa đen ý nói "giải quyết cái đói một cách lén lút": "Nhà tôi có tật *ăn vụng* ban đêm, khuya nào cũng thức dậy, xuống bếp lục cơm nguội.". Không sao cả. Nhưng tới lúc nàng nghiến răng trèo trẹo: "Tôi nói cho anh biết, anh mà lén tôi đi *ăn vụng*, tôi biết được, đừng có trách tôi ác!"

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ Việt cổ

Xanh nghịt: (hay xanh kịt) *rất xanh*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Sống, mái

Người Bắc gọi gà trống là gà sống.

Gà *sống* là chồng gà *mái.*

Vậy mà "*một trận sống mái*" lại có nghĩa khác là "*một mất, một còn*". Chứng tỏ ở đâu có "sống mái" là có…"một mất một còn".

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

Chữ Việt cổ

Cái o: *cái họng con heo*

O: *cô*

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Chửi mất gà

Thằng đứng chiếu ngang, thằng sang chiếu dọc, thằng đọc văn tế, thằng bế cái hài, thằng nhai thủ lợn. Con gà nó ở nhà tao nó là con gà, nó sang nhà mày nó là thần đanh đỏ mỏ...

(chửi ở miền *núi Nùng sông Nhị*)

Chữ nghĩa…tàn lụn

Số mệnh chữ nghĩa mỏng manh như số phận con người. Thời gian như thước đo chiều dài ngắn của chữ nghĩa, đồng thời cảnh báo về cái hữu hạn của nó. Cũng vậy, theo sách vở, *như chữ lụn, nghĩa là hết,* ta chỉ dùng trong một số trường hợp hiếm hoi:
Tim lụn có nghĩa tim đèn cháy hết, *lụn năm, lụn ngày*, *mềm lụn*, *lụn xuống, lụn mạt..*

Mấy ai còn nhớ, còn biết, còn sử dụng những chữ cổ trên.

(Nguyễn Văn Lục?)

Chữ nghĩa đường văn ngõ chữ
Một số *từ ngữ cổ* hiện nay vẫn còn dùng

Người ta nói *'gậy gộc',* 'gậy' thì hiểu rồi, còn '*gộc*'?

'Gộc' là từ mà hiện nay đã không còn nghĩa độc lập. Tiếng Hán, 'gộc' là chữ này [梮]. Sách 'Đại Nam quốc âm tự vị' của Huỳnh Tịnh Của giảng: *'Gộc' là 'cây củi có khúc đẩn* (?) mà lớn' và cho ví dụ 'ông gộc' là người già cả hơn hết hoặc làm lớn hơn hết trong một xứ. Có tài liệu giảng 'gộc' là 'đoạn gốc của cây tre, cây vầu' hay có nghĩa là 'to lớn'.

Theo đó, *gậy gộc* nghĩa là những *cây gậy lớn*, thường dùng để… *đánh nhau.*

(Nguyễn Lương Thịnh)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Bánh mỳ nướng bơ mật ong 137 Đặng Tiến Đông

(Nguồn: Tôi đi đâu)

201 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Cách mạng bùng lên. Như một trò chơi hấp dẫn, người học trò mới lớn ném cả tâm hồn và thể xác vào cuộc đấu tranh dành độc lập cho xứ sở Văn Cao lúc ấy nổi lên như một khuôn mặt điển hình của

thanh niên. Vừa *mang súng lục làm Trưởng ban Ám sát thành* (theo lời Tô Hiệu, Hải Phòng) vừa là nhạc sĩ sáng tác những bản nhạc đấu tranh cách mạng: Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, Không Quân Hành Khúc,
v…v...
Không những thế con người cách mạng ấy còn là tác giả của những khúc tình ca ngây ngất: Suối Mơ, Thiên Thai, Đàn Chim Việt, Trương Chi.

Văn Cao: Gặp gỡ
Tháng 2/1947, chúng tôi (ký giả Lô Răng) tự vệ khu Đông Thành, sau 2 tháng kháng chiến bằng lựu đạn, bằng mã tấu, bằng "súng trường Indochinois", đã rút ra khỏi Hà Nội, "bỏ kinh thành rừng rực cháy sau lưng". Tôi có một ông anh (lấy bà chị họ tôi) làm "lớn". Tôi không biết chức vụ của ông là gì. Chỉ biết ông quen biết những cán bộ trên khu, trên tỉnh. Đặc biệt ông có bên mình hai khẩu súng lục. Một khẩu Colt 12 bắn đạn Thompson lùn tịt, một khẩu nữa Parabellum của Đức bắn đạn 9. Thời trường kỳ kháng chiến, ai cũng quần nâu áo vải, chưa có quân hàm, quân hiệu nên cứ nhìn "súng" là ắt biết người. Anh nào mang mã tấu mà lại răng đen thì "chém chết" cũng là du kích. Anh nào vác Mút-cơ-tông dài ngoằn thì khỏi phải hỏi, đó là binh bét. Anh nào mang súng ngắn thì biết ngay đó là "cán bộ".

Một hôm, ông anh tôi mới hỏi tôi "Muốn đi gặp Văn Cao không? ". Thời kháng chiến, Văn Cao là một tên tuổi lẫy lừng khắp nước, ai mà không hát Tiến Quân Ca, Bao Chiến Sĩ Anh Hùng, ... ai mà không ngâm ngợi "Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối... ".

Cho nên tôi nao nức đạp xe đi theo ông anh tôi liền. Từ quê tôi qua Thạch Thất, tới Cầu Trò rồi theo đường liên tỉnh (lúc đó đã bị phá hoại, đào đường kháng chiến ngang dọc khắp nơi, nhưng xe đạp vẫn còn đi được) lên thị xã Sơn Tây. Từ Sơn Tây qua Quảng Oai lên bến Trung Hà. Ở đây phải đi đò qua sông Cái (sông Hồng) sang một thành phố ngã ba bên kia sông: Việt Trì.

(Văn Cao: Giấc mơ của một đời người – Phan Lạc Phúc)

Vũ Bằng
Nghệ thuật viết chân dung

Vũ Bằng đã chỉ rõ khả năng hư cấu vô biên, óc tưởng tượng mạnh mẽ phi thường của Vũ Trọng Phụng để có thể viết nên những thiên phóng sự độc nhất vô nhị: "Phụng có một cái tài đặc biệt là *không hề biết đánh bạc là gì*, mà tập phóng sự đầu tiên viết cho báo Nhựt Tân, anh dám đề cập đến vấn đề *bạc bịp*"…và "anh viết như một người đánh bạc thông thạo nhất".

"Cũng thế, đọc chuyện Số đỏ, ai cũng tưởng Phụng là một tay ăn chơi sành sỏi mà lại *"đểu" là khác nữa,* nhưng sự thật trái ngược hẳn: trong tất cả anh em quen biết, Phụng có lẽ là người *"chân chỉ hạt bột" nhất.* Tiêu pha hay chơi bời gì, anh tính toán từng đồng, không phải là vì kẹo, nhưng vì anh phải đưng mũi chịu sào lo cho cả nhà, trong đó có một bà nội góa và một bà mẹ góa, đồng thời lo sao để dành dụm được ít tiền lấy vợ, hầu có con nối dõi".

Và những dòng tả chân Vũ Trọng Phụng viết tiểu thuyết như thế nào quả là chưa từng có trên văn đàn:
"Vũ Trọng Phụng không bao giờ có thời giờ để viết quá mười trang giấy. Cứ gần đến ngày phải nạp bài cho Hà Nội báo – tiểu thuyết Giông Tố bắt đầu viết từng kỳ trên báo này – Vũ Trọng Phụng *lại ngồi ì ra một đống, hút thuốc lào và hỏi ầm lên có ai biết kỳ trước Giông Tố đã viết đến đoạn nào rồi không*. Chẳng ai trả lời cả, bởi vì chẳng có ai đọc Giông Tố hết.

Vũ Trọng Phụng chán đời hết sức, đành phải đi tìm Hà Nội báo để đọc xem mình đã viết đến câu gì, bấy giờ mới phủ phục xuống giường như con voi viết tiếp, mắt hiếng hẳn đi mà *lưỡi thì lè ra*

như lưỡi con thằn lằn, có khi vừa viết vừa chửi thề sao mình lai khổ đến thế này, cứ phải viết mới có tiền sanh sống.

Bây giờ Phụng đã ra người thiên cổ; nhắc đến anh, người ta thường kể lại một câu nói của anh: "Nếu mỗi ngày tôi có một miếng bí tết để ăn thì đâu có phải chết non như thế này!".
Vũ Trọng Phụng sống nghèo khổ như vậy nhưng khi tiếp xúc với người ngoài cuộc sống xã hội lại có dáng vẻ ung dung tự tại"

(Đỗ Ngọc Thạch)

Đừng tưởng

Đừng tưởng cứ giỏi là hay..
Nhiều khi thất bại đắng cay muôn phần

(Bùi Giáng)

Sở Cuồng Lê Dư

Lê Dư (? - 1967), tên thật là Lê Đăng Dư, hiệu *Sở Cuồng* (người Cuồng nước Sở), là nhà nghiên cứu lịch sử và văn học Việt Nam.
Lê Dư là người ở xã Nông Sơn, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Thuở nhỏ, ông học ở quê nhà. Khoảng năm 1900, *ông cùng với Nguyễn Bá Trác, Phan Khôi ra Hà Nội học tiếng Pháp, rồi tham gia phong trào Đông Du*.
1908, phong trào Đông du bị khủng bố tại Tokyo, vì Pháp và Nhật cấu kết nhau, trục xuất tất cả du học sinh và các nhà cách mạng Việt Nam ra khỏi đất Nhật.

Từ đó ông sang Trung Hoa và *Triều Tiên*.
Ở đây, *ông là người đầu tiên phát hiện ra dòng họ Lý, hậu duệ của Hoàng tử Lý Long Tường, con thứ của vua Lý Anh Tông*.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Được tiền thì mua rượu,
Rượu say rồi cỡi trâu.
Cỡi trâu thế mà vững,
Có ngã cũng không đau.

(Trần Tế Xương)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Ba mươi năm: Khoảng cách và dấu nối

Trần Nhuệ Tâm: *Người thi sĩ/văn sĩ Việt kiều mà ông thân nhất đã nói cho ông nghe điều gì về thơ/văn hải ngoại và thế giới? Những quan điểm nào ông đồng tình và không đồng tình? Ông nghĩ sao về các khuynh hướng sáng tác như Hậu hiện đại Tân cổ điển…*

Nguyễn Trọng Tạo: Tôi thích quan điểm của Khánh Trường khi lấy chữ *Hợp Lưu* đặt tên cho tờ tạp chí văn chương ra đời ở Mỹ. Anh muốn họp mặt các dòng chảy của văn học Việt dù trong nước hay ngoài nước dù trường phái này hay trường phái nọ. Tất nhiên là trên một bình diện văn hoá nhất định. Có lúc tôi đã nói với anh rằng nhiệm vụ của chúng ta sau cuộc chiến là hàn gắn vết

thương vĩ tuyến 17 chứ không phải là khoét sâu thêm thù hận. Đó cũng là nhiệm vụ nhân văn cao cả của văn chương.

Bạn cũng nên hiểu rằng trong cuộc chiến tôi và Khánh Trường cầm súng ở hai chiến tuyến cùng thế hệ cùng tuổi cùng đeo đuổi văn nghiệp. Vì thế tôi đọc hầu hết những tờ *Hợp Lưu* may mắn có được bằng nhiều con đường khác nhau.

(Trần Nhuệ Tâm thực hiện)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Người khôn con mắt dịu hiền
Người dại con mắt láo liên nhìn trời!

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây

Hồng Thanh Quang: Anh tuy xuất thân từ vùng nông thôn, nhưng lại học khoa Văn, là sinh viên, chắc anh cũng rất hào hoa với mọi điểm mạnh điểm yếu của sinh viên thời ấy. Cảm giác đầu tiên khi anh vào bộ đội như thế nào? Anh có cảm thấy khó khăn gì không khi hoà nhập?

Phạm Tiến Duật: Khó khăn, lúc đó mình thanh niên, tính thì bồng bột, hiếu thắng, có thể cũng hơi cố chấp. Khi ngồi thảo luận về chính trị, nghe bảo Lênin nói "chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi ở một nước, ở một khâu yếu nhất trong toàn bộ hệ thống mắt xích của chủ nghĩa tư bản" thì mình, vốn đã đọc sách của Lênin rồi, cứ dứt khoát khẳng định, câu đó không phải của Lênin mà Lênin đã nói rằng, "khi tên Baconhin lúc chưa trở thành tên đốn mạt, hắn đã nói được một câu đúng rằng, chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi ở một nước...".
Tức là *Lênin đã trích dẫn câu nói đúng của người khác*; lãnh tụ sòng phẳng thế đấy nhưng do anh em ta đọc tài liệu toàn những trích dẫn không đầy đủ nên hiểu cũng không đầy đủ, mặc dù đã đúng rồi. Tất nhiên, bảo là Lênin nói như thế thì cũng không sai nhưng do Duật, Phạm Tiến Duật hồi đó còn trẻ, cứ tranh luận tới cùng, nên khiến một vài đồng chí cảm thấy bị xúc phạm…

Rồi còn chuyện này nữa. Khi Duật được giải thưởng thơ rồi, đồng chí Võ Nguyên Giáp điện thoại vào Trường Sơn cho đồng chí Đồng Sĩ Nguyên, nói là nên xuống chăm sóc Duật một tý…

Lúc đó thế nào là chăm sóc? Thì làm cho một cái phòng riêng và mắc điện, mà quy định từ thượng tá trở lên mới được mắc điện. Lúc đó đến cấp trung tá cũng không có điện, cấp thiếu tá lại càng không có điện, nhưng đồng chí Duật mới cấp thượng sĩ lại có điện, có một phòng riêng, mà phòng đẹp hơn bất kỳ ai, vì nhà được lát gỗ. Tư lệnh đã ra lệnh rồi mà, ngoài Bộ điện vào bảo chăm sóc nên Duật mới được như thế. Thành ra Duật cũng bị người này người kia ghen tị, tìm cách gây khó khăn...

(Hồng Thanh Quang)

(Nhà thơ Phạm Tiến Duật tác giả bài thơ *Trường Sơn đông Trường Sơn tây*)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Ăn Bún mọc Hàng Gà

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây

- Anh còn nhớ và có thể kể lại tình huống lúc anh được giải thưởng thơ của báo Văn nghệ không?

- Dạo đó, mình đang ở một nơi thuộc huyện Ăng Khăm, tỉnh Khăm Muội; Bộ Tư lệnh 559 mỗi một năm di chuyển tới mấy nơi. Hôm ấy, tôi nhớ là cánh rừng gió kinh khủng, gió ghê gớm, gió ào ạt. Duật đang ngồi với một nhóm bạn thì có người gọi: "Duật ơi! Lên nghe đài". Giữa rừng chỉ có độc một cái radio thôi. Mình lên thì nghe thấy ông Hoài Thanh đang đọc bài phát biểu lúc trao giải thưởng, nhắc rất nhiều đến Phạm Tiến Duật. Mọi người nói rằng, đoạn trên thì họ nói xong rồi, có nghe họ nói là anh được giải Nhất. Thế thì biết vậy!

Bài thơ đó được anh Định Nguyễn, tên thật là anh Nguyễn Bé qua đời. Anh ấy mất và Văn nghệ đã phúng anh ấy và đăng lại bài thơ *Vòng trắng*. Thực ra tôi không có bài thơ nào tên là "Vòng trắng" cả, bài thơ này là *Viết về số 0* và đấy mới đúng chứ không phải là Vòng trắng:
"Khói bom lên trời thành một cái vòng đen
Trên mặt đất lại sinh bao *vòng trắng*
Tôi với bạn tôi đi trong yên lặng
Cái yên lặng bình thường đến sau chiến tranh
Có mất mát nào lớn bằng cái chết
Khăn tang, vòng tròn như một số không
Nhưng bạn ơi ở bên trong *vòng trắng*
Là cái đầu bốc lửa ở bên trong".

(Hồng Thanh Quang)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Chẳng tham nhà ngói rung rinh
Tham vì một nỗi anh xinh miệng cười
Miệng cười em đáng mấy mươi
Chân đi đáng nén miệng cười đáng trăm
Những người con mắt lá răm
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể văn "Tự sự"

Truyền kỳ mạn lục – Nguyễn Dữ - 1

Truyền kỳ mạn lục (*sao chép tản mạn những truyện lạ*) là sáng tác duy nhất của danh sĩ Nguyễn Dữ, sống vào khoảng thế kỷ 16.
Truyền kỳ mạn lục viết bằng chữ Hán, theo thể loại "tự sư" viết theo *dạng tản văn*. Nguyễn Dữ làm ra sách *Truyền kỳ mạn lục* trong khoảng thời gian ông đến ẩn cư ở rừng núi xứ Thanh (Thanh Hóa). Cách thức xây dựng tác phẩm là tác giả mượn một nhân vật có thật hay chỉ có

trong huyền thoại, rồi kết cấu, xây dựng lại nhân vật, thêm bớt tình tiết, tu sức ngôn từ...để tái tạo thành một thiên mới.

Truyền kỳ mạn lục gồm 20 truyện, cuối mỗi truyện có lời bình của tác giả hoặc của một người có cùng quan điểm với tác giả. Hầu hết các truyện xảy ra ở đời Lý, Trần, Hồ hoặc Lê sơ. Lấy tên sách là *Truyền kỳ mạn lục*, Nguyễn Dữ muốn thể hiện thái độ khiêm tốn của một người chỉ ghi chép truyện cũ. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất của các truyện thì Truyền kỳ mạn lục không phải là một công trình sưu tập như *Lĩnh Nam chích quái*, mà là một sáng tác văn học đích thực, đánh dấu bước phát triển của *thể loại tự sự* hình tượng trong văn học chữ Hán.

Với một nhà Nho uyên bác như Nguyễn Dữ thì *một tác phẩm duy nhất* như Truyền kỳ mạn lục chỉ gồm 20 truyện là điều bất thường!? Song, chỉ với 20 truyện trong cuốn Truyền kỳ mạn lục, người đọc như được một sự "đi ngược thời gian" thật kỳ diệu: *Câu chuyện ở đền Hạng vương* (Hạng vương từ ký); *Chuyện cây gạo* (Mộc miên thụ truyện); *Chuyện gã trà đồng giáng sinh* (Trà đồng giáng đản lục); *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*

(Đỗ Ngọc Thạch)

Cơm làng

Đồ cúng

Mâm cơm cúng ở đình làng phải có đài rượu *(Vô tửu bất thành lễ), mâm xôi, con heo hay gà* (con sinh) (1) trái cây và đôi khi có món " hèm (2)". Con heo cúng phải là " *con heo toàn sinh* (thịt sống cạo lông sơ qua) ", xôi tế phải là gạo toàn nếp trắng tinh. Tất cả đồ cúng phải được rước tới đình bằng cách đội và gánh.
Rượu thịt dâng lễ xong thì dân làng cùng hưởng hoặc cùng ăn tại đình hoặc làm phần chia cho cả làng. Người dân rất quí " *Miếng thừa lộc thánh* " tức miếng phần việc làng nên thường nói: "*Miếng việc làng hơn sàng xó bếp* ".

(1) - Một mâm cơm lễ hội *" sắp tư ", " sắp năm "* là tùy tục lệ từng làng, có món ăn *" hèm "* như Đình Bảng xứ Bắc *mâm cao cỗ đầy* (ba tầng) nhưng bao giờ cũng có món *chuột đồng nướng*; lễ hội đền Hát Môn thờ Hai Bà Trưng là tiệc *bánh trôi bánh chay*.

(2) - *Hèm* là thói quen của thần đôi khi là một thói quen xấu như *ăn trộm, ăn xin* của thần thì được tổ chức kín đáo.

(Lạp Chúc Nguyễn Huy)

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể văn "Tự sự"

Truyền kỳ mạn lục – Nguyễn Dữ - 2

Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên là một truyện đặc sắc, được lưu truyền rộng rãi bởi nó là ước vọng không nguôi của tác giả cũng như kẻ sĩ nói chung: Không có tình trong đời sống thực thì đi tìm trong cõi Tiên "Tình mộng ảo":
"Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ ấm được bổ làm tri huyện Tiên Du . Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem. Người ta thấy có cô con gái, tuổi độ 15, 16 đến hội ấy xem hoa. Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy, bị người coi hoa bắt giữ lại. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ùn bị quan trên quở trách. Bèn trả ấn tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn , nhân làm nhà tại đấy để ở. Một hôm Từ Thức dậy sớm trông ra bể Thần Phù ở phía ngoài xa vài chục dặm, thấy có đám mây ngũ sắc ùn ùn kết lại như một đóa hoa sen mọc lên, vội chèo thuyền ra thì thấy một trái núi rất đẹp. Chợt thấy ở trên vách đá bỗng nứt toác ra một cái hang. Vén áo đi vào, vừa được mấy bước thì thấy có bà tiên áo trắng, ngồi trên giường bảo gọi một cô tiên ra, Từ liếc nhìn trộm, chính là người làm gãy cành hoa ngày trước. Bà tiên trỏ bảo rằng: "Đứa con tôi đây tên là *Giáng Hương*, ngày trước gặp nạn trong khi đi xem hoa, nhờ chàng cứu gỡ, ơn ấy khôn quên, nay muốn cho nó kết duyên để báo đền ơn trước".

Lời bình của Nguyễn Dữ cuối truyện *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*
"Than ôi, nói chuyện quái sợ loạn chuyện thường, cho nên thánh hiền không nói. Nhưng việc Từ Thức lấy vợ tiên, *cho là thực không ư ? Chưa hẳn là không; Cho là thực có ư? Chưa hẳn là có.* Có không lờ mờ, câu chuyện tựa hồ quái đản. Nhưng có âm đức thì tất có dương báo, cũng là lẽ thường. Những bậc quân tử sau này khi để mắt đến sẽ liệu mà thêm bớt, bỏ chỗ quái mà để chỗ thường thì phỏng có gì là hại?.

(Đỗ Ngọc Thạch)

Cơm làng

Chỗ ngồi

Ngôi thứ được tôn trọng trong thứ tự tên trong văn tế, thứ bậc, chỗ đặt mâm lễ cúng, chia xôi thịt... Trong bữa cơm làng, chỗ ngồi được xếp cho từng hạng người theo *tục lệ hương ẩm* trong làng.

Theo tập quán được chia thành 5 hạng:
-Thứ nhất là hạng quan viên hay chức sắc (khoa mục, chức tước), tân cựu hương chức. Hạng quan viên mới được tham dự tế tự trong làng, ngồi chiếu trên. Muốn *trở thành quan viên* thì phải *khao vọng* đã được triều đình ấn định để công bố sắc chỉ vua ban: *Tú tài thì khao một con gà, một đĩa xôi, ba quan tiền; cử nhân khao môt con lợn, một mâm xôi và 5 quan tiền* v.v.
- Hạng thứ hai gồm những *bô lão trên 60 tuổi*, được làng xã miễn cho các hình thức sưu dịch, thuế khóa, đóng góp;
- Hạng thứ ba là các *kỳ mục trong làng* gồm *lý trưởng, phó lý, chánh tổng đương chứ*c, các cựu lý trưởng, phó lý và chánh tổng;

Các quan viên hoặc già cả ngồi chiếu trên, hạng tráng đinh ngồi chiếu dưới hạng thấp nhất là *" ông mõ " một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.*
Ngồi quanh mâm cơm, mâm cỗ tại đình làng cũng phải *theo thứ bậc (phẩm tước, tuổi, khoa bảng)* được xếp đặt theo tục lệ của làng. Cung cách ngồi, cách ăn ... quanh mâm cơm làng làm chuẩn mực cho tổ chức mâm cơm trong gia đình.

(Lạp Chúc Nguyễn Huy)

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể văn "Ký sự"

Bắc sứ thông lục – Lê Quý Đôn

Trong tựa sách "Bắc sứ thông lục", tựa viết năm 1763, ông lại kể rằng: "Ở nước Nam ta, tiền bối đi sứ có để lại nhiều tập thơ nhưng chưa ai kể lại các sự việc (*ký sự*, bút ký). Năm 1737). *Tổn*

Trai tiên sinh họ *Lê* (Lê Hữu Kiều, đậu tiến sĩ khoa 1715) được sung phó sứ đi mừng vua Càn Long lên ngôi, có chép việc sử, nhật trình, đường đi, thơ văn thù ứng, vấn đáp và các sự tích, phong tục nghe thấy, viết thành sách đề là *Sử Bắc ký sự*.
Khi ta chưa đậu, ông từng đưa cho ta xem và bảo: "Đây là sách ta lược biên để có thể mang theo trong túi áo. Cậu ngày sau chắc sẽ được chọn đi sứ. Cậu nên sẽ tiếp tục chép nhiều thêm để cho được nhiều sự trạng và lời văn vẻ hơn".

Ông viết nhiều sách, như Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Đại Việt thông sử, Vân Đài loại ngữ, Danh thần lục, Quốc triều tục biên, v…v…và *Bắc sứ thông lục*,
Năm 1759, vua Lê Ý Tông mất, triều đình cử ông làm phó sứ, để cùng với Lê Duy Mật cầm đầu phái đoàn sang nhà Thanh báo tang và nộp cống 1760. Trên đường sang Yên Kinh (nay là Bắc Kinh), ông thấy các quan lại nhà Thanh có thói quen gọi đoàn sứ của nước Đại Việt là "di quan, di mục" (quan lại mọi rợ), ông lên tiếng phản đối, từ đấy họ mới gọi là "An Nam cống sứ". Trở về nước năm1762, năm sau (1763), ông viết *Bắc sứ thông lục*.

Lê Quý Đôn sinh ngày 5-7-1726 tại làng Diên Hà, tỉnh Thái Bình. Thuở nhỏ, ông nổi tiếng là người có trí nhớ thần kỳ, được người đương thời coi là "thần đồng". Năm 1739), ông theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long. Năm 1743 đời vua Lê Hiển Tông, ông dự thi Hương và đỗ đầu (Giải nguyên) lúc 17 tuổi. Năm 26 tuổi (1752), ông dự thi Hội, và lần này thì đỗ Hội nguyên. Vào thi Đình, ông đỗ luôn Bảng nhãn. Vì kỳ thi này không lấy đỗ Trạng nguyên, nên kể như cả ba lần thi, ông đều đỗ đầu.
Sau khi đỗ đại khoa, năm 1753, Lê Quý Đôn được bổ làm Thị thư ở Viện Hàn Lâm, rồi sung làm *Toản tu quốc sử* năm 1754.

Chữ là nghĩa

Người ta đã thống kê được rằng, cuộc đời một
người đàn ông hầu hết gắn bó với chữ "ăn".
Khi "làm ăn thất bại" thì đành "ăn mắm mút dòi",
thậm chí tán gia bại sản, buộc phải "ăn bờ ở bụi".

Khoa cử thời xưa

Khải Định, vua nổi tiếng giỏi chữ Hán và chữ Nôm, dưới đây là một câu đối trên rặt Nôm, dưới ròng Hán của vua:
"Xuân xanh tuổi ngoài đôi chục, chơi đục trần ai, khi bài khi bạc, khi *tài bàn vác*, khi *tổ tôm quanh*, khi *năm canh ngồi nhà hát*, *khi gác cổ ả đào*, *khi ghẻ tầu con đĩ xác, khi nằm rạp thuốc phiện tiêm*, hoanh ra dáng rạng ra rỡng, ngông ra phết, cóc biết chi tồi, miệng én đưa qua mùi gió thoảng".

"Quốc gia lịch tứ thiên dư, do truyền nhân vật, như Tô như Duật, như Phật Tử Quân, như Trần Quốc Tuấn, như Phạm Công thượng tướng quân, như Bạch Vân phu tử, như ngự sử Lê Cảnh Tuân, như công thần Nguyễn Công Trứ, tài chi tuấn thời chi tuế, thế chi ư, khí nhưng nhiên phủ, thần long đắc vũ tiện vân đằng"

Ngôn ngữ: thói "ăn" nếp "ở" của người Việt qua cách nói 3

Cùng nghĩa với "ăn", trong tiếng Việt có "ăn xin", "ăn mày": "Xin" người khác để có miếng ăn, để sinh sống. Khắp nơi trên thế giới, đều có người ăn mày. Thậm chí, như ở Việt Nam, *có cả làng sống bằng nghề ăn mày, từ đời cha tới đời con*. "Ăn mày", vì vậy, nghiễm nhiên trở thành cái nghề. Để rồi, từ "nghề" chuyển ra "nghiệp", đâu mấy ai nhờ đó mà "ăn nên làm ra"?

Qua tới các động từ "ăn cắp", "ăn trộm", "ăn cướp" thì đột nhiên "ăn" không còn ý nghĩa là hành động giải quyết cái đói nữa, mà: lấy của người khác làm của riêng. Ca dao có câu:
Con ơi học lấy nghề cha,
Một đêm ăn trộm bằng ba năm làm.

Thì ra, không phải chỉ có nghề "ăn mày", có cả nghề "ăn trộm" nữa kia. Trong khi "ăn cắp" và "ăn trộm" mang nghĩa lén lút, lặng lẽ, lấm lét, thì "ăn cướp" là lấy công khai, nhiều khi sử dụng cả dao găm, súng đạn để tước đoạt cho bằng được.
Con ơi nhớ lấy câu này,
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

(Ngô Nguyên Dũng)

Cửa ô Thăng Long - Hà Nội xưa

Một trong 16 cửa ô

Sơ đồ thành ngoài (Đại La) của tỉnh thành Hà Nội năm 1831 trên cơ sở bản vẽ của Trần Huy Bá với *16 cửa ô*. Các cửa ô tập trung nhiều ở mặt sông Hồng do kiêm chức năng cửa khẩu buôn bán.

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ *tầm xuân*
(Ca dao)

Theo ngu ý tui, thật ra đây chỉ là...thơ nhớ đào của các cụ. Kể ra các cụ cũng nhiêu khê thật ấy chứ. Ai đời trong lúc nhớ "ghệ" mà các cụ cũng hì hục leo lên cây bưởi đặng hái hoa mà nhớ tới em. Các cụ thi vị và phong lưu thật chả bù cho tớ, đang lúc tớ nhớ tới cái con bồ nhí năm xưa thì nếu có cây bưởi trước mặt tớ cũng lục đục leo lên mà hái...hỏng phải hái hoa...mà hái hai trái bưởi bưng xuống ngắm nghía và nhớ em muôn vàn.

Thôi hỏng dám nhớ tới em nữa mà trở về cái nụ tầm xuân.
Tui nghĩ là các cụ chơi chữ, các cụ muốn ngược dòng thời gian trở về dĩ vãng nên các cụ mới mượn cái nụ tầm xuân ra để gửi ý.
Tầm là *tìm* nên tầm xuân chắc hẳn có nghĩa *tìm mùa xuân*.
Mùa xuân của cụ đã một đi không trở lại rồi nên cụ đành ra ngồi dưới gốc cây bưởi trong vườn cà và nhớ tới cái thuở ban đầu lưu luyến ấy mà tầm xuân, tìm mùa xuân, nhớ tuổi thanh xuân và tiếc. Chắc cái vườn cà này ngày xưa cụ đã từng: *"đưa em về dưới mưa, dẫn em ra gốc...cà"* nên bây giờ nó vẫn mang lại cho cụ một trời tâm sự. Hoặc bắt chước thi sĩ Phạm Thiên Thư *"Trèo lên cây bưởi khóc người rưng rưng"*....

(Nguồn: theo “very ngu ý tui”)

Những khuất lấp thời Hồng Bàng thị

Đền Hùng thờ 18 đời Hùng Vương ở núi Nghĩa Lĩnh, thuộc huyện Phong Châu, Phú Thọ. Ở đền Hùng, thần tích, ngọc phả ghi chép 18 đời vua Hùng Vương với *đầy đủ duệ hiệu với tên tuổi và thời gian trị vì.* Những văn bản đó được cho là *viết lại vào khoảng thế kỷ 18 dưới đời Lê Trung Hưng*.
Có người còn sửa lại bản “Cổ Việt Hùng thị thiên thế thánh vương ngọc phả cổ truyện” cũng được cho là làm từ *thời Lê Thánh Tông* (1470) nay còn để ở đền Hùng. Cho đến nay, không có sử liệu khả tín nào dẫn chứng đền Hùng dựng năm nào? Tuy nhiên có nguồn khác đền Hùng dựng lên từ thời Lê Thái Tổ. Tất cả chỉ là ngoa truyền, vì trong văn học sử chỉ duy nhất *Lê Quý Đôn nhắc đến đền Hùng qua danh tính ông từ giữ đền Hùng và chuyện dân chúng sửa sang đền Hùng nhưng lại ăn cắp gỗ mang về làm nhà.*

Bia “Hùng miếu kỷ niệm bi” ghi rõ chuyện trùng tu năm 1915 khi đang xảy ra Thế chiến I do Công sứ M.G. Guillard cho dựng lên.

Với chuyện *Lĩnh Nam chích quái* cho 50 người con của Lạc Long quân ngụp lặn quanh Động Đình hồ phía nam núi Ngũ Lĩnh. Đại Việt sử ký toàn thư cho 50 con của Âu Cơ an cư lạc nghiệp ở Việt Trì. Sử quan nhà Nguyễn đặt Lạc Long quân (và An Dương Vương) là “vua mở đầu nước Việt” hay Hùng vương? Vua Hùng thắng thế nhờ Tự Đức: *Vua Hùng là quốc tổ… là tổ tiên chung của dân tộc Việt Nam*.

Qua núi *Nghĩa Lĩnh* ở Phú Thọ, sử quan nhà Nguyễn mò mẫm vì chữ “*Lĩnh*” hình tượng núi Ngũ *Lĩnh* bên Tàu, vì vậy đền Hùng được dựng lên ở núi Nghĩa Lĩnh.

Người Minh Hương

Các từ gốc Quảng Đông

Xí mụi: do Quảng Đông gọi Xíu mụi, chữ Nho là Tiêu mai.
Hủ tiếu: Không biết chữ ra sao, nhưng do Quảng Đông đưa vào, họ nói là *“phải”,* không hiểu sao ta lại biến thành hủ tiếu.
Xíu mại: Không biết chữ nghĩa ra sao, nhưng đa số các món ăn đều do Quảng Đông đưa vào.
Chạp phô: Chỉ là tạp hóa. Nhưng chính người Quảng Đông lại cho nó cái nghĩa hạn chế là thực phẩm: trứng vịt, tôm khô, cá khô,v.v. còn các cửa hàng bán các thứ khác cũng tạp nhạp lại không được gọi là chạp phô.
Dầu cháo quảy: tức con quỷ nướng trong dầu, chỉ loại bánh bột mì chiên mỡ.
Ly: cốc bằng pha lê, *người Quảng Đông gọi là Pò Lý Púi*, tức Pha Lê Bôi, ta nuốt hết, chỉ *chừa lại…“lý” và đọc là…”ly”*

(Nguyễn Đức Hiệp)

Một lần tới thủ đô

Chiều hôm đó, chúng tôi ăn cơm trong một quán cơm bình dân. Nghe nói bia hơi Hà Nội ngon lắm, chúng tôi gọi uống thử. Không ngon như đồn đại, tôi thấy nó *nhạt và chua*. Trong quán, có một anh cũng ngồi ăn và uống bia, anh ta chắc là một tay buôn vì tôi thấy chiếc xe của anh hai bên phía sau có chở hai cái sọt.
Ăn xong, anh trả tiền, rồi càu nhàu: "Bia với bọt *nhạt như nước nồn, chua noen noét như cứt mèo*, *nàm* mẹ nó be rượu cho xong". Chị chủ quán bình thản: "*Như lước lồn thì ló mới nghìn rưỡi, còn muốn không như lước lồn thì những ba nghìn rưỡi cơ*. Buôn cứt người còn chê cứt mèo. Sốt ruột".

Anh chàng định sửng cồ, nhưng thấy chị chủ quán tay lăm lăm con dao thái thịt, chắc không phải tay vừa, nên anh cun cút đi mất.

Quả thật, cách đối thoại của người Hà Nội vô cùng khó hiểu, hình như nó mang nhiều tính ẩn dụ. Thì người Tràng An mà lại, ho ra thơ, thở ra văn. Có điều tôi thấy quá nhiều người phát âm sai chính tả. Nhưng tôi nghĩ, nói ngọng tức phát âm không chuẩn do khiếm khuyết ở lưỡi hoặc dây thanh quản. Họ *không thể, họ không nói ngọng mà phát âm sai chính tả.*
Tối hôm đó, tôi kể chuyện đi chơi và phát biểu cảm tưởng của tôi cho mấy cô diễn viên múa người Hà Nội. Các cô cười ngặt nghẽo và bảo: "Hà Nội là như thế đấy, các anh không quen nên thấy sốc đó thôi, bọn em thấy bình thường". Đúng thật, những gì gây sốc hoặc dị ứng cho ta, đều là do không quen.
Một cô múa tiết lộ với tôi: "Ở Hà Nội còn nhiều nơi thơ mộng lắm, không hề như những ấn tượng của anh đâu. Ở những nơi đó anh sẽ thấy Hà Nội đúng như những gì anh đã nghĩ, như vườn Bách Thảo chẳng hạn, ở gần lăng bác ấy.

(Vương Văn Quang)

Thành ngữ tục ngữ…sai

Những giải thích sai, hoặc không giải thích nghĩa đen, ghi sai, ghi nhầm, hiểu sai hoàn toàn ý nghĩa thành ngữ tục ngữ trong "Tự điển thành ngữ tục ngữ Việt Nam " của Nguyễn Lân:
Sống được miếng dồi chó, chết được bó vàng tâm
(Giễu kẻ tham ăn.)

Không đúng! Nếu hiểu như GS thì vế thứ hai *"chết được bó vàng tâm"* cũng là giễu kẻ "ham chết" hoặc người chết "tham" cỗ quan tài vàng tâm hay sao? Đây là cách *ca ngợi món dồi chó* (miếng ăn ngon khi sống) và *cỗ quan tài bằng gỗ vàng tâm* (khi chết).

Còn có một dị bản là:
"Sống trên đời ăn miếng dồi chó, Chết xuống âm phủ biết có hay không, hoặc *"Chết xuống âm phủ chẳng có mà ăn".*
(Hoàng Tuấn Công)

Chiết tự

Câu thơ dân gian
Bao giờ thằng *ngốc* làm vua, cha con nhà Nguyễn bỏ chùa ra đi.

Chiết tự chữ *ngốc* và chữ *nhân* là chữ *bảo*: Ám chỉ…Bảo Đại.

(Nguyễn Hữu Nhật – Tiếng Việt hay quá)

Kỳ phùng địch thủ

Nghĩa là hai đối thủ tương đương với nhau.
Chữ *"kỳ"* đây trong tiếng Hán viết như kỳ trong "tượng kỳ" (cờ tướng) và *"phùng"* là gặp nhau.
"*Kỳ phùng"* là cuộc gặp gỡ lạ thường, khác thường.

Khởi thủy "kỳ phùng địch thủ" chỉ cho hai tay đánh cờ tướng với nhau không mà thôi.

(Duy Lý – báo Tự Do)

Cục cứt và con chó…

Trước năm 75, miền Nam có câu thơ:
Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó chạy rông trên bờ

Hai câu thơ trên xuất xứ từ văn chương bình dân truyền khẩu:
Em đẹp như phân lạc giữa dòng
Anh như chú khuyển đứng bên sông
Dòng sông nước chảy em trôi mãi
Anh đứng trên bờ rỏ dãi trông

Ngôn ngữ: thói "ăn" nếp "ở" của người Việt qua cách nói

Đàn bà, con gái khi không có gì ăn, tối tối ra đường ăn… sương, mang danh "gái ăn sương". Còn động từ "ăn đêm", không hẳn đồng nghĩa với "ăn sương", mà gần với "ăn khuya" hơn. Ngoài ra, còn được dùng để chỉ "hành động đi kiếm mồi trong đêm tối" của muông thú, như trong bài đồng dao ru con:
Con cò mày đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao…

Người Bắc nói "bắt nạt", người Nam dùng động từ "ăn hiếp". Khi có kẻ thừa cơ "chôm" của, người Việt mình nói "ăn hôi". "Ăn tàn" thành ngữ "theo đóm, ăn tàn" có nghĩa tương tự như vậy: "Cái thằng đó là hạng người 'theo đóm ăn tàn', không hiểu sao mầy ăn ở với nó tới sáu mặt con!". Còn "ăn mót" tục ngữ có câu:
Muốn ăn cơm ngon, lấy con nhà đi mót.
Muốn ăn canh ngọt, lấy con nhà bắt cua

(Ngô Nguyên Dũng)

Chữ nghĩa đường văn ngõ chữ
Một số *từ ngữ cổ* hiện nay vẫn còn dùng

Mình hay nói *'hỏi han'* nhau, 'hỏi' thì rõ nghĩa rồi, vậy *'han'* có nghĩa không? Hỏi han' không phải là từ láy mà là từ ghép đẳng lập, trong đó cả 'hỏi' và 'han' đều có nghĩa. Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của giải thích: *'han'* nghĩa là *'hỏi tới'*, *'nói tới'*.

Truyện Kiều của Nguyễn Du từng dùng 'han' như một từ độc lập, không dính đến từ 'hỏi', trong câu: 'Trước xe lơi lả *han* chào / Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi' (Phần Kiều rơi vào tay Tú Bà và Mã Giám Sinh). *'Han chào' chính là chào hỏi.*

(Nguyễn Lương Thịnh)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

"Bình Nguyên Lộc là nhà văn miền Nam. Ông ấy có thể cho anh chị biết quan điểm của người miền Nam", nhà văn Nguyễn Mộng Giác nói với chúng tôi như thế khi vợ chồng chúng tôi đến Los Angeles nhân dịp lễ Giáng sinh để phỏng vấn các học giả và nhà văn cho một dự án nghiên cứu về bước đầu của tiểu thuyết Việt Nam được Hội đồng Nghiên cứu Khoa học Xã hội tài trợ.

Từ ngày chúng tôi tin là *những cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã được viết ra ở miền Nam*, chúng tôi rất mong được gặp Bình Nguyên Lộc, một cây bút viết truyện ngắn và tiểu thuyết nổi tiếng, đồng thời là một học giả chuyên về ngôn ngữ học lịch sử và so sánh.

Chúng tôi đã trò chuyện với Bình Nguyên Lộc về văn học Việt Nam suốt mấy tiếng đồng hồ liền vào ngày 5 tháng Giêng năm 1987. Hôm qua, mở tạp chí *Văn Học* số tháng Tư, tôi biết tin là Bình Nguyên Lộc đã từ trần vào ngày 5 tháng Ba, thọ 72 tuổi.

Chúng tôi bắt đầu hỏi ông về những cuốn tiểu thuyết đầu tiên mà ông đã đọc được lúc còn là một đứa bé lớn lên ở vùng châu thổ sống Cửu Long giữa hai trận thế chiến.
Ông nói: "Cuốn tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên tôi đọc là một cuốn sách mà thoạt đầu cha tôi cấm không cho đọc vì cho là dâm thư, đó là cuốn *Hà Hương phong nguyệt truyện* của Lê Hoằng Mưu. Cuốn này được xuất bản vào *khoảng năm 1917*, và tôi tin đó cũng là cuốn tiểu thuyết được xuất bản đầu tiên của Việt Nam. Đó là một câu chuyện tình xảy ra ở miền Nam, chẳng có gì là dâm ô cả.

Cuốn tiểu thuyết kế tiếp tôi đọc được là cuốn *Chăng Cà Mum* [1] của Nguyễn Chánh Sắt. Đây là câu chuyện về một cô gái Việt Nam sống gần biên giới Miên, bị bắt cóc đưa sang Miên một thời gian khá lâu trước khi được quay trở về Việt Nam, Cuốn tiểu thuyết này chưa được xuất bản nhưng đã được quảng bá rộng rãi trên tờ quảng cáo của một tiệm thuốc Bắc.

Tiểu thuyết gia kế tiếp mà tôi đọc là Hồ Biểu Chánh. Có thể tôi cũng đã đọc một số tác giả khác ngoài Lê Hoằng Mưu và Nguyễn Chánh Sắt nhưng họ không nổi tiếng mấy và tôi cũng không nhớ được.[2] Nếu tôi biết trước những gì ông bà định hỏi hôm nay thì tôi sẽ ghi lại những chi tiết này đầy đủ hơn."

(Nhớ lần thăm nhà văn Bình Nguyên Lộc - Phan Văn Giưỡng)

[1] Theo Nguyễn Khuê, trong Chân dung Hồ Biểu Chánh do Lửa Thiêng xuất bản tại Sài Gòn năm 1974, Nguyễn Chánh Sắt viết Chăng Cà Mum vào khoảng *1915 hay 1916*. Tựa đề thực ra là Nghĩa hiệp kỳ duyên nhưng nó lại được biết nhiều dưới tên Chăng Cà Mum là tên của *nhân vật nữ người Miên* trong truyện.

[2] Sau đó Bình Nguyên Lộc nhớ đến một tác giả khác và ông viết cho chúng tôi một lá thư đề ngày 6 tháng Giêng về tác giả ấy. Đó là Tân Dân Tử, theo Bình Nguyên Lộc, chuyên viết tiểu thuyết lịch sử, trong đó có cuốn Gia Long phục quốc.

Đừng tưởng

Đừng tưởng nắng gió êm đềm...
Là đời tươi sáng hóa ra đường cùng

(Bùi Giáng)

Vũ Bằng
Nghệ thuật viết chân dung

Đây là đoạn nói về phong thái Vũ Trọng Phụng:
"Về sau này, Vũ Trọng Phụng mòn mỏi đi, một phần lớn vì thức đêm thức hôm để viết cho nhiều báo như Tiểu thuyết thứ bảy, Tiểu thuyết thứ năm, Hà Nội tân văn, lấy tiền, nhưng cuộc sống của anh ở bên ngoài đối với những người lạ, không có vẻ gì vất vả; trái lại, anh lại ra cái dáng nhàn nhã, ung dung là khác. Dù bận rộn viết lách đến mấy đi nữa, tuần nào anh cũng đọc hàng chục tờ báo Pháp để học thêm. Trong anh em, có thể nói anh là người hiểu rõ tinh thần của giọng văn "Canard Enchainé" nhất".

Khái quát về con người – nhà văn Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng đã cho ta *một nhà văn chuẩn mực, đa tài và tràn đầy nhân tính:*
"…Trong tất cả anh em, Phụng là người có thứ tự, phàm có tài liệu gì, hay, lạ thì cất đi, cho nên vào lúc một tuần báo ở Huế đả kích anh viết văn khiêu dâm, anh đã lên tiếng trả lời rất vững, kèm nhiều chưng cớ và tài liệu rất "búa"…Phụng sống một cuộc đời khiêm nhường. Không có tiền thì không tiêu, anh không hỏi vay của ai bao giờ mà cũng ít phàn nàn với ai rằng mình khổ.

Đó là một đức tính làm cho anh em kính nể, nhưng anh em thương Phụng nhất về điểm dù khổ đến thế nào, Phụng cũng thủy chung như nhứt với anh em, cứ mỗi khi có báo dù biết trước là viết không có tiền, không nhiều thì ít, thế nào Phụng cũng có bài cộng tác với anh em, và lâu lâu Phụng lại đi hát với chúng tôi, nhậu nhẹt như ai và quấy cũng như ai"

Đọc những đoạn văn Vũ Bằng *khắc họa chân dung văn học Vũ Trọng Phụng* trên đây, hẳn là chúng ta khó mà tìm ra *một chân dung văn học khác hay hơn* và *một nhân vật của bức chân dung nào độc đáo mà lại chuẩn mực hơn.*

(Đỗ Ngọc Thạch)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Ăn mỳ *vằn thắn* phố Hàng Chiếu

(Nguồn: Tôi đi đâu)

202 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Sang đến bên kia sông Việt Trì (…) Văn Cao, ngoài tư cách là nhạc sĩ sáng tác, còn kiêm nghề tiền đạo (élément précurseur) đi trước một bước để sắp xếp nơi diễn kịch và lo liệu nơi ăn chốn ở cho đoàn kịch. Đoàn chưa đến nhưng Văn Cao đã có mặt trước ở Việt Trì. Tôi theo ông anh tôi tới một quán nước ven bờ sông. Ở đó, tôi gặp một người đàn ông còn trẻ chừng 24, 25 tuổi *nhưng có vẻ muốn già đi vơi cái mũ nồi sụp trước mắt và chiếc pipe (ống điếu) phì phà khói* . Người thanh niên này không đẹp trai, phải nói như vậy, nhưng có một phong cách khác người, một vẻ tự tin đặc biệt. Ông anh tôi khẽ nói với tôi "Văn Cao đấy".

Đến lượt tôi tiến tới bắt tay, anh tôi bỏ nhỏ "Cậu em tôi ở quê nhà, muốn được gặp Văn Cao". Người thanh niên không nói gì, chỉ giơ tay bắt, con mắt nheo lên một nét cười thầm lặng.
Lúc bấy giờ tôi là một anh "nhóc" mới lớn lên, 19 tuổi, nên ngồi im nghe các đàn anh chyện vãn. một lát sau, bún riêu, cà phê xong xuôi, ông anh tôi vội vàng đi vì nghe tin thuyền buồm chở đoàn kịch đã tới. Chỉ còn Văn Cao và tôi ngồi lại. Văn Cao vẫn không ngớt phì phà khói pipe. Tôi rụt rè nêu câu hỏi: "Dạo này, hát bài của anh sướng quá. Từ các bản cách mạng Tiến Quân Ca, Bắc Sơn sang các bản trữ tình *Suối Mơ, Thiên Thai* dạo năm ngoái triển lãm Cách mạng tháng 8 ở Khai Trí Tiến Đức còn thấy bày tranh của anh nữa. Rồi thơ Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc".

Văn Cao giơ tay như muốn ngắt lời tôi: "Tôi hiểu ý của cậu rồi. Có phải cậu muốn hỏi rằng tôi rồi đây sẽ nghiêng về địa hạt nào ? ". Tôi gật đầu. Văn Cao nói tiếp, "Tôi sống với cả ba, nhưng thời kỳ qua có thể gọi là thời kỳ nhạc, thời của kêu gọi, của đám đông.

Đến một lúc nào đó, *con người phải quay về với nội tâm mình, có lẽ thời kỳ đó đối với tôi là thời kỳ thơ, thời kỳ họa*.

(Văn Cao: Giấc mơ của một đời người – Phan Lạc Phúc)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Chồng người áo gấm…sông Lô.
Chồng em ngồi bếp…nướng ngô cháy quần.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây - 1

- Hồi anh được giải, nghe nói anh là trường hợp duy nhất được 9 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị mời cơm, có đúng không ạ?

- Đúng. Tôi không nhớ tất cả nhưng trước hết là tôi nhớ lần được gặp đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Lần đó tôi không bao giờ quên. Tôi nhớ hôm ấy còn có những người được giải thưởng khác như Phan Thị Thanh Nhàn, Bế Kiến Quốc, giải 3 và giải 2, còn có cả Việt Phương và Chế Lan Viên.

Mọi người đều ngồi quanh mâm nhưng không ai ăn, chỉ riêng tôi ăn tới miếng cuối cùng trên mâm. Tất cả họ đều không ăn, họ chỉ nghe Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói chuyện. Thế là Thủ tướng cười bảo, Duật đúng là lính thật, ăn rất là ngon. Thực ra hôm đấy không có món gì đặc biệt lắm, chỉ có một thứ duy nhất gây ấn tượng đối với tôi là *bánh cuốn*, bánh cuốn rất ngon.

Thế còn cái buổi ăn cơm với đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, lúc bấy giờ đang là Tổng Tư lệnh tối cao, thì có 2 vợ chồng ông tiếp cơm thôi. Thì ông chăm sóc tôi khác, rõ ràng là chăm sóc một người lính, *cho ăn ngon hơn Thủ tướng nhiều*. Đúng là hôm đó bếp của Thủ tướng nấu cái gì thì chỉ tăng thêm số lượng thôi, có thêm đĩa bánh cuốn thôi, không có cái gì khác. Còn hôm ăn cơm nhà Đại tướng thì đây đúng là bữa tiệc cho thằng lính trong rừng đói khát thiếu thốn được ăn nhiều món ngon, rất ngon.

Nhưng mà cử chỉ kỳ diệu nhất tôi thấy trong ngày hôm đó không phải là ăn uống. Cái đặc biệt nhất là lúc cắt táo ra để ăn, thì ông Đại tướng từng chỉ huy suốt 2 cuộc kháng chiến, đánh Đông dẹp Bắc thắng lợi, khi ông quệt cái tay áo dạ vào thành cốc và cái cốc đổ ra, và *táo cũng lăn*. Và khi táo lăn thì ông cực kỳ lúng túng, ông không với được và phu nhân của ông nhẹ nhàng hứng ở đầu kia, *cứ để cho táo lăn và hứng rất nhẹ nhàng*. Cả hai người cùng mỉm cười và bà ấy đưa cho ông quả táo. Và tôi thấy đó là một cử chỉ cực kỳ hạnh phúc và đẹp.

(Hồng Thanh Quang)

Tục ngữ hiện đại, thành ngữ hiện thực

Nơi đâu cần thanh niên có.
Đến đứng ngó cũng là thanh niên.

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây - 2

Trước đó tôi có đọc một bài báo trên tờ *Thống Nhất* có nói là Tổng Tư lệnh của Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay rất nể một đứa trẻ con. Vì sao? Vì khi tôi đến thăm Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì thấy ông ấy rất là *nể vợ,* và vợ ông ấy thì rất nể *một đứa cháu*, thì hoá ra người cao nhất của Quân đội lại nể một đứa trẻ con. Đấy là một niềm hạnh phúc lớn và đấy là lý do thắng trận của Việt Nam vì người ấy biết sợ một đứa trẻ con, và *người đàn ông biết sợ đàn bà*.

Còn đồng chí Lê Đức Thọ là người đầu tiên bênh đỡ cho vụ *Vòng trắng*. Tố Hữu sau này có nói lại rằng *Phạm Tiến Duật đứng từ xa, ờ cái gì trắng trắng thế nhỉ*, nhưng đến gần thì không phải, thì đấy là Tố Hữu nói thế thôi. Cho nên tôi ngay từ đầu đã nói *bài thơ không có vấn đề gì cả*, bài thơ chẳng qua là bài thơ của một thằng lính yêu bạn mình, quý bạn mình, thương bạn mình, không có vấn đề gì cả. Phải nói là thái độ của đồng chí Lê Đức Thọ là trước sau bênh đỡ việc này và đấy là điều tôi nghĩ rằng chính là *vụ Vòng trắng không phải là trở thành một vụ việc lớn*...

(Hồng Thanh Quang)

Phạm Tiến Duật là tác giả bài thơ Trường Sơn đông, Trường Sơn tây. Cũng là tác giả bài thơ *Viết về số 0* nhưng *bị đổi tên* là *Vòng trắng.*

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Ba mươi năm: Khoảng cách và dấu nối

Nguyễn Trọng Tạo: Tôi cũng đọc tạp chí *Thơ* xuân-thu-đông *Văn Đoàn Kết Talawas Tiền Vệ*... Đấy là nơi chấp nhận được "tự do ngôn luận" tương đối thoải mái. Và tôi hiểu thêm được nhiều điều qua văn chương của những tác giả có góc nhìn khác tôi. Hơn nữa tôi hiểu thêm đời sống tình cảm của những người Việt ở nước ngoài dù họ phải rời xa tổ quốc trong hoàn cảnh nào.

Tôi cũng rất tiếc cho một số nhà văn không thoát khỏi hằn học và thù hận làm đau khổ những con chữ vô tội. Những con chữ vô tội trong tiếng Việt ấy lại còn bị lạm dụng như người ta lạm dụng tình dục trẻ em ngay cả trong thơ ca nhân danh cách tân trong những năm gần đây. Tôi nghĩ chủ nghĩa Hậu hiện đại Tân cổ điển Tân hình thức không khó chấp nhận. Vì không đổi mới thì không có văn chương của thời đại mới. Văn học tự thủ tiêu khi chối bỏ cách tân hoặc không để cho cách tân trình thị.

Đấy là bài học của muôn đời. Sự *làm mới tiếng Việt không phải là làm cho tiếng Việt trở nên ngọng nghịu* hay bắt chước vẻ lơ lớ của người tây nói tiếng Việt mà phải làm cho tiếng Việt trong sáng hơn *đa nghĩa hơn* và chính xác hơn.

(Trần Nhuệ Tâm thực hiện)

Sở Cuồng Lê Dư

Năm 1925, Lê Dư về nước, làm việc cho Trường Viễn đông Bác cổ ở Hà Nội, là chuyên gia về *văn học sử và lịch sử Việt Nam*.
Trong khoảng 10 năm ông công bố thêm gần 30 công trình vừa Hán văn vừa Quốc văn. Với vốn học vấn Hán học uyên thâm, với công phu tìm kiếm tư liệu trong kho lưu trữ của Trường Viễn Đông Bác cổ, Lê Dư đã cung cấp cho giới nghiên cứu, những phát hiện của ông về *tác giả Cung oán ngâm khúc, về tiểu sử của Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phạm Thái, Trần Tế Xương...*
Có thể công việc biên soạn sách của ông, phát xuất từ những di sản tinh thần "quốc học" mà ông đã tìm thấy trong thời gian sống và hoạt động tại Nhật Bản.

Lê Dư mất ngày 31 tháng 8 năm 1967.

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Những người béo trục béo tròn
Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Bước tới chuyển hướng bước tới tìm kiếm - 1

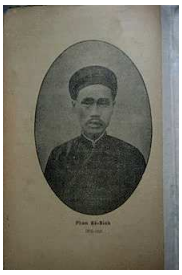

Phan Kế Bính (chữ Hán: 潘繼炳; 1875-1921), hiệu Bưu Văn, bút hiệu Liên Hồ Tử, là một nhà báo, nhà văn nổi tiếng đầu thế kỷ 20.
Phan Kế Bính quê ở làng Thụy Khê, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Năm Bính Ngọ (1906), ông dự thi Nho học và đỗ cử nhân, nhưng không ra làm quan, mà ở nhà dạy học.
Trong thời gian này, ông công khai hưởng ứng phong trào Duy Tân. Từ 1907, ông bắt đầu viết báo cho nhiều tờ báo trong vai trò dịch thuật, biên khảo sách chữ Hán.

Sau đó ông cộng tác với các báo: Đông Dương tạp chí, Lục tỉnh tân văn, Trung Bắc tân văn. Đặc biệt là với tờ Đông Dương tạp chí, ông có thời gian làm trong ban biên tập Đông Dương tạp chí, và tác phẩm của ông phần lớn đều từng đăng trên tạp chí này.

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Thử miến lươn Hàng Điếu

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Góp nhặt làng văn xóm chữ

Bước tới chuyển hướng bước tới tìm kiếm - 2

Các sách biên khảo của Phan Kế Bính:
"*Việt Nam phong tục*" (1915): nghiên cứu nghiêm túc, có tính phản biện, về thuần phong mỹ tục của Việt Nam;
"Hán Việt văn khảo" (1918): bàn về văn chương chữ Hán ở Trung Quốc, Việt Nam và triết học Trung Quốc;
Các sách viết về danh nhân Việt Nam: *"Nam Hải dị nhân".*

Sách dịch thuật:
"Đại Nam nhất thống chí" (1916);
"Đại Nam điển lệ toát yếu" (1915 - 1916);
"Đại Nam liệt truyện tiền biên" (1918);
"Đại Nam liệt truyện chỉnh biên" (1919);
"*Tam quốc chí diễn nghĩa"* dịch chung với *Nguyễn Văn Vĩnh*.

Phan Kế Bính mất lúc mới 46 tuổi vào năm Tân Dậu (1921).

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Mắt tròn dưới mí láng sưng

Là tên tửu bác, không ngừng chơi đêm

Thăng trầm chữ Việt

Ngày 1-1-1882, cách nay gần 130 năm, là ngày người Pháp đã buộc người Việt ở Nam kỳ "phải dùng chữ quốc ngữ". Nội dung quan trọng này nằm trong nghị định về việc dùng tiếng An Nam bằng mẫu tự Latin" do thống đốc Nam kỳ Lafont ký.

Vì sao người Pháp chọn quốc ngữ?
Chúng tôi tìm thấy trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung vấn đề này: "Ở đây cần để ý một điều là trước khi người Pháp xâm chiếm nước ta, các nhà truyền giáo Âu Châu đã theo đường lối "tôn trọng thích nghi văn hóa, phong tục những nước bị truyền giáo. Chính trong tinh thần đó mà họ sáng chế ra chữ quốc ngữ. Đến thời Pháp xâm lược, các nhà truyền giáo Dòng Tên phải nhường chỗ cho Hội thừa sai Paris và những người này đều là người Pháp, theo một đường lối "thực dân" Pháp lúc ấy".

Chính vì vậy, ngay sau khi Hòa ước Nhâm Tuất ký chưa ráo mực, khi ba tỉnh miền Tây còn nằm trong tầm ngắm và đang lăm le đánh chiếm thì Pháp đã cho ra đời tờ báo tiếng Việt ở Sài Gòn. Đó là tờ *Gia Định báo*. Tờ báo này do E. Potteaux, thông ngôn tiếng Việt hạng nhất của đô đốc, làm "tổng tài" (tổng biên tập).

(Trần Nhật Vy)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Bài "Nụ tầm xuân" gói ghém tâm sự của đôi trai gái tình duyên bị trắc trở.
- cây bưởi cao : tượng trưng cho phong lưu phú quý.
- hoa bưởi thơm : tượng trưng cho danh vọng, sự nghiệp.
- vườn cà : tượng trưng cho làng quê, xóm nghèo.
- nụ tầm xuân : tượng trưng cho cô gái tuổi đương xuân.

Câu ca dao hàm ý ngày xưa khi còn hàn vi, chàng chăm lo dùi mài kinh sử. Lúc vua mở khoa thi, chàng lều chõng lên kinh đô dự thi (trèo lên: dự thi, cây bưởi: kinh đô).

Kết quả kỳ thi chàng danh thơm đoạt được bảng vàng *(hái được hoa bưởi).* Vinh quy bái tổ trở về quê nhà, tìm trong xóm cũ thuở xưa cùng đinh bần hàn *(bước xuống : trở về quê cũ, vườn cà : làng quê)* tìm người thương xin kết tóc se duyên *(hái nụ tầm xuân : kết đôi vợ chồng).* Ai ngờ lúc đạt được danh vọng sự nghiệp thì ở nhà người yêu vừa lấy chồng *(nụ tầm xuân nở ra xanh biếc).*

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể văn "Ký sự" - 1

"Ta (Lê Quý Đôn) vừa qua Nam Quan, liền gặp quan Tuần Kiêm họ Tra đưa thơ thách họa. Dọc đường gặp các quan liêu đặt những câu hỏi hóc búa, họ bắt bẻ tranh luận như là kẻ địch. Vả chăng nếu mình rụt rè, tự coi mình là người nơi xa vắng, ít giao tiếp, ít nói năng thì bị người ta khinh bạc, mà dùng tiếng *Di Ngôn Di Sứ* (lời mọi, sứ mọi) mà chỉ chúng ta".

Chính vấn đề các viên chức Thanh ở quan ải vẫn luôn luôn dùng tiếng DI (mọi) để trỏ người mình, kể cả sứ thần, là một điều mỗi lúc sứ ta sang, đều phải tranh biện phản đối và đòi cải cách. Sứ bộ gửi tờ trình cho viên Tuần phủ Quảng Tây xin thôi dùng chữ DI. Đại ý tờ trình như sau: "Trong các công văn và khi tiếp đón sứ thần mọi nơi đều gọi hai tiếng An Nam. Thế mà ngày chúng tôi đến cửa quan ải, quan đạo chỉ hô: *Di quan, Di mục,* làm chúng tôi hổ thẹn rất sâu. Đến

khi tới Nam Ninh, yết quan Đạo Đài, giữa đám đông người mà vẫn dùng chữ DI. Sứ thần xin theo lệ đời Ủng Chính thứ 9 (173l) giới thiệu các sứ thần bằng chức danh".
Viên Bố Chánh biện luận một cách khôn khéo rồi nhận lời, như ta sẽ thấy trong tờ trình của sứ bộ gửi về chúa Trịnh Doanh. Tờ trình nầy rất quí, vì được làm bằng tiếng Nôm, có lẽ để người Thanh không đọc được, nếu chúng tò mò.

(Lê Quí Đôn đi sứ nước Thanh – Hòang Xuân Hãn)

Những khuất lấp thời Hồng Bàng thị

Về ngày lễ, bia 1923 ở đền Thượng ghi rõ:
"Tục lệ dân xã Hi Cương, phủ Lâm Thao lấy ngày 11-3 là ngày thờ thổ kì, (tức thổ địa "Hùng vương"). Khải Định ra chiếu chỉ: *Từ nay lấy ngày 10-3 làm lễ tổ Hùng vương.* Tức lùi lại…một ngày để ông đi Tây dự "Hội chợ thuộc địa Marseile" năm 1922. Từ đấy câu ca dao: "Nhớ ngày mồng Mười tháng Ba…" có từ ngày ấy.

Ở miền Nam ngày lễ giỗ tổ 10-3 trôi qua như những ngày kỷ niệm khác, hoài đồng vọng vua Hùng là những người gốc Bắc di cư hồi cố quận về nơi chốn xa cách với quá khứ. Bởi nhẽ ấy, vua Hùng ở miền Nam đã rẽ sang chiều hướng không phải sử học nhưng lại có dáng sử học, kết hợp với tình tự quê hương dân tộc thành một niềm hãnh diện tự kiêu.

(Tạ Chí Đại Trường)

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể văn "Ký sự" - 2

Tờ khái này có lẽ viết ngày 13 tháng Chạp năm 1761. Sứ bộ tưởng trước Tết sẽ về đến nhà, *nhưng phải đợi gần một tháng quan Thanh mới chịu mở cửa quan*. Tiếc rằng bản *Bắc sứ thông lục* đã bị mất phần cuối, cho nên ta không còn biết có quả thật bọn biên lai Trung Quốc có bỏ tiếng DI chăng.

Sau đây sẽ kể một vài chuyện.
Chuyện khám thuyền - Khi thuyền về đến Quế Lâm, theo lệ, quan Thanh xuống khám thuyền để tịch thu các vật và sách cấm. Đồ cấm có vũ khí và diêm tiêu dùng làm thuốc súng. Các cống sứ phải làm tờ cam kết, trong đó có nói :
" Năm Càn Long thứ 25, chúng tôi vâng mệnh quốc vương mang tuế cống và tờ biểu và nghi vật tới dâng. May được Thánh ân ban cho quốc vương vải vóc, trong đó có thứ đoạn hoa Đại Mãng, Thổ Qua. Còn như diêm tiêu, quân khí và tất cả những món hàng cấm thì không hề mang về. Đó là điều chúng tôi cam-kết là thật ".

Tất cả sứ bộ phải khai các sách đã mua, rồi phải gánh các hòm sách lên trạm Ân Đình. Quan Thanh giữ lại một số, rồi bảo khai. Trong số sách bị thu có bộ tự vựng bách khoa về văn học gồm 450 quyển, vua Khang Hi sai soạn. Ta phải làm đơn xin trả lại, viện lẽ rằng trong sứ vụ Phạm Khiêm Ích (1724) vua Ủng Chính đã ban bộ sách ấy cho vua mình. Quan Thanh bằng lòng, nhưng giữ lại 23 bộ sách khác, đó là những *sách bói toán*, địa lí, y khoa, thần tiên. Của riêng ta, có 5 sách bị thâu : *Phong Thần Diễn Nghĩa, Nam Du Bắc Du, Tử Vi Đẩu Số* và *Mai Hoa Dịch Số.*

(Lê Quí Đôn đi sứ nước Thanh – Hòang Xuân Hãn)

Cơm làng

Chia phần xôi thịt

Điều ghi nhớ đầu tiên là cách chia xôi thịt (đầu lợn, phao câu, đầu cánh) là biểu tượng cho văn hóa trọng lễ *bằng tôn trọng thứ bậc trong làng* chứ không phải là để hưởng phần ngon nhất của con heo (1), con gà.

(1) - Miếng ngon nhất trong con heo là *cặp bầu dục* nên trong cỗ khao vọng, chỉ có *cỗ nhất là có đĩa bầu dục*. Theo Nhất Thanh Vũ văn Khiêu, Đất lề quê thói, Đại Nam, Sài Gòn, 1968, tr 491

Trong các con heo dành cho đình đám thì có con heo để kính biếu phân ra như sau : " *Hưởng cả trọn cái đầu heo gọi thủ vĩ,* (2) *(Thủ 首, là đầu, vĩ 偉 là lớn, biểu tượng người đứng đầu lớn nhất trong làng). Hương Chủ hưởng trọn cái mông cắt khoanh tròn, Chánh Bái hưởng trọn cái bộng con heo có cả cái đuôi, kỳ dư chia đều cho các chức việc*".

(2) - Trong lễ khao vọng, con heo luộc chín làm lễ tế thần được chia như sau; *Tiên Chỉ hưởng cái thủ, Thứ Chỉ* (3) *cái nọng*, còn lại dành cho kỳ mục, quan lào… Theo Nhất Thanh Vũ văn Khiêu, Đất lề quê thói, Đại Nam, Sài Gòn, 1968, tr 489-491

(3) Trên hết trong làng là Tiên chỉ và *Thứ chỉ* thường là *hưu quan, khoa mục.*

Trong lễ khao vọng *thủ lợn* còn đủ cả tai mắt bê lên biếu tiên chỉ, *cổ lọng* biếu thứ chỉ

(4) chức sắc; còn lại chỗ ngon là thịt thăn, thịt mông thì thái ra làm cỗ chia đều cho trên dưới cùng thụ lộc.

(Lạp Chúc Nguyễn Huy)

Khoa cử thời xưa

Giai thoại: Nếu như Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi và Lưỡng quốc trạng nguyên Tống Trân, cùng bị giữ ở Tàu dịch thư kinh mươi năm. Nguyễn Đăng Trừng, Nguyễn An bị lưu xứ ở Tàu đến suốt đời. Với giai thoại thì chẳng thể thiếu Thám hoa Giang Văn Minh, người xã Đường Lâm, tỉnh Sơn Tây được cử đi sứ. Minh Tự Tông ra câu đối: *"Đồng trụ chí kim đài dĩ lục"* có ý nhắc đến Mã Viện dẹp cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng. Thám hoa Giang văn Minh không chần chừ, khẳng khái đối: *"Đằng giang tự cổ huyết do hồng".* Vua Minh biết ý ông dẫn việc Trần Hưng Đạo đánh tan quân Nguyên ở sông Bạch Đằng để đối lại. Bất chấp luật lệ bang giao, Minh Tự Tông thét bọn đao phủ trói ông lại, gắn trám đường vào miệng và mắt rồi cho người mổ bụng xem "*sứ thần An Nam to gan lớn mật đến đâu*". Tính ra, ông mới 58 tuổi. Hòng uy hiếp dân Đại Việt, Minh Tự Tông còn cho ướp xác ông bằng bột thuỷ ngân và cho sứ bộ ta đem thi hài ông về nước.

Cơm làng

Chia phần xôi thịt

Vào những *ngày lễ nhỏ chỉ một số ít người tham dự*, đồ cúng chỉ có *xôi gà* thì việc *chặt thịt gà cho mâm cơm làng* cũng phải theo tục lệ của làng là *" thứ nhất phao câu, thứ nhì đầu cánh "* có nghĩa là *phao câu và đầu cánh nhiều mỡ béo rất ngon* để nhắm rượu nên được chặt ra để trên đĩa thịt gà của mâm trên.

Tiếp theo mới chặt đầu cánh trên đĩa thịt gà mâm dưới (1)
(1) – Theo Trần Quốc Vượng*, Văn hóa ẩm thực Việt Nam, Từ điển bách khoa và Viện Văn Hóa, Hà Nội, 2010,* tr, 26 thì *"Phao câu, đuôi lợn dành cho thằng mõ"*

Tổ chức cơm làng và cung cách ăn uống tại đình làng làm mẫu mực cho cơm nhà về :
- Tôn ti trật tự trong xã hội cũng như trong gia đình,

- Mâm cỗ ở đình là hình ảnh mâm cơm gia đình (tất cả đồ ăn đều bầy trên mâm, một bát nước chấm chung) và cũng là hình ảnh *mâm cơm cúng gia tiên* (xôi, rượu, thịt gà...)

(Lạp Chúc Nguyễn Huy)

Thành ngữ tục ngữ…sai

Thịt thối hơn muối bùi
Ý nói: Ăn cơm có thịt vẫn hơn là không có
(Nhưng thịt thối thì rất hại vệ sinh)

Không phải như vậy! Ngày trước thực phẩm cá thịt rất khan hiếm. Cơm chủ yếu là rau, muối nên dân gian có những cách nói thậm xưng*: "Thịt thối hơn muối bùi"* hoặc *"Cứt cá hơn lá rau", nhằm đề cao bữa ăn có thịt cá.* Nhưng do không hiểu cách nói của dân gian, GS nhầm tưởng người dân coi món *"thịt thối"* hơn *"muối bùi"* thật nên lo lắng cảnh báo: *"thịt thối thì rất hại vệ sinh"!*

(Hoàng Tuấn Công)

Người Minh Hương

Thị xã Sóc Trăng, có rất nhiều cửa hiệu bán *bánh pía* từ các cơ sở làm bánh pía... *bánh pía là đặc sản Sóc Trăng của người Hoa Triều Châu làm ra*. Nhiều vùng ở Sóc Trăng, như huyện Vĩnh Châu, nơi có nhiều vườn nhãn, có nhiều người Khmer và Hoa cư ngụ, hơn cả người Việt.
Đa số dân ở vùng này nói 3 thứ tiếng Khmer, Triều Châu, Việt. Đường Hai Bà Trưng gần chợ có nhiều cửa tiệm người Hoa, không khác gì đường Trần Hưng Đạo, Chợ Lớn. Trên đường Trần Minh Phú góc đường Ngô Quyền là Hội tương tế người Hoa (18-20 Trần Minh Phú) gần sông Sóc Trăng.

Một trong những nhân vật văn hóa nổi tiếng sinh ra ở Sóc Trăng là ông Vương Hồng Sển, người gốc Triều Châu.

(Nguyễn Đức Hiệp)

Ô Quan Chưởng

Hà Nội có bao nhiêu cửa ô, nhiều người đã trả lời 5 và gọi tên: Ô Cầu Dền, Cầu Giấy, Yên Phụ, Đông Mác, Quan Chưởng.
"*Ô Quan Chưởng* hay còn gọi là *ô Đông Hà*, tên chữ là *Đông Hà môn*, tức *cửa Đông Hà*), là một cửa ô của Hà Nội xưa, nằm ở phía Đông của toà thành đất bao quanh Thăng Long, được dựng năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749), đến năm Gia Long thứ ba (1817) được xây lại và giữ nguyên kiểu cách đến ngày nay. Đây là một trong 21 cửa ô còn sót lại của thành Thăng Long cũ:
Long Thành bao quản nắng mưa
Cửa Ô Quan Chưởng bây giờ còn đây
(Ca dao)

Hiện nay, cửa ô còn nguyên cửa chính và hai cửa con hai bên. Trên nóc cửa chính là một vọng lâu. Ngày xưa có lính tuần canh gác ở đây. Bên tường phía trái có gắn một tấm bia khắc năm 1882 ghi lệnh của Tổng đốc Hoàng Diệu cấm lính sách nhiễu những đám tang qua lại cửa ô.

Thời xưa, ô Quan Chưởng nằm trên đường từ trong thành phố đi ra bờ sông, thuộc địa phận thôn Thanh Hà tổng Đồng Xuân, huyện Thọ Xương, cho nên gọi là cửa ô Thanh Hà. Từ cửa ô ra đến bờ sông Hồng là con đường dài tám chục mét. Phía ngoài cửa ô trước kia coi như đất ngoại thành. Phố Ô Quan Chưởng được tính từ cửa ô Đông Hà, nối với phố Hàng Chiếu và ra phía đê

sông Hồng. Phố được hình thành từ thời Pháp thuộc, có tên là Rue des Nattes en joncs (nghĩa là phố Chiếu Cói), chuyên buôn các loại chiếu cói từ Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình chở lên.

Sau khi chiếm Hà Nội, người Pháp cho phá hết các cửa ô cùng với một phần các con đê để mở rộng Hà Nội. Còn riêng ô Đông Hà, nhờ có sự tranh cãi của ông cai tổng Đồng Xuân Đào Đăng Chiểu (1845 – 1916), người làng Khúc Thủy (Hà Đông), nên chủ trương đó không thực hiện được. Vì ông Cai tổng nhất định không chịu ký tên vào tờ trình (1) phá cửa ô nên cuối cùng người Pháp phải nhượng bộ. Nhờ vậy mà đến nay Ô Quan Chưởng vẫn còn giữ nguyên vẹn như kiến trúc xưa.

(1) Theo ghi chép, cổng được dựng năm 1749 để phòng thủ kinh thành ở mặt sông Hồng trước sự nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu.

Một lần tới thủ đô

Tôi tới vườn Bách Thảo thì trời đã về chiều. Trong vườn, không khí nhẹ nhõm mát mẻ, quả thật cô diễn viên múa đó đã nói.

(đường lên miếu Đống Đa núi Nùng)

Các loại cây cổ thụ xoè tán uy nghiêm, trên gốc già cỗi là những loài cây kí sinh, chen nhau mọc xanh rì. Trong vườn có một trái núi đất (sau tôi được biết tên, đó là Núi Nùng) có vẻ như là tự nhiên. Núi Nùng rất đẹp, đủ loại cây mọc trên nó, có đường đi lên và trên đỉnh hình như có một ngôi chùa hay một cái miếu gì đó.

(Vương Văn Quang)

Váy và quần

Nước Việt khôi phục nên độc lập với sự khởi nghĩa của Lê Lợi. Đời vua Lê Huyền Tông (1653), để xóa bỏ dấu tích nô lệ của nhà Minh, nhà vua quy định lại trang phục cho dân: *Cấm mặc áo ngắn, và quần có ống chân* (phải về với chiếc váy cổ truyền).
Ai trái lệnh bị phạt 5 quan tiền (5 quan mua được một con trâu).

Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim: Nhà Minh đô hộ ta, Hoàng Phúc bắt dân ta phải thay đổi phong tục và ăn mặc theo Tàu: "*Con trai không được cắt tóc. Đàn bà con gái mặc quần*".

(Lê Văn Lân)

Nguôi hoai

Để diễn tả tâm sự buồn nào đó dần dần giảm nhẹ đi, chúng ta hay dùng chữ *"nguôi ngoai".* Thật ra là *"nguôi hoai".*
Trong các từ điển cổ, "hoai" có nghĩa là phai nhạt.

"Nguôi hoai" là từ ghép chỉ sự phai dần của một nỗi buồn.

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

Tại sao gọi người Bình Định là "dân Nẫu"

Năm 1578, chúa Nguyễn Hoàng đưa lưu dân nghèo khai khẩn vùng đất mới từ nam đèo Cù Mông đến đèo Cả tức tỉnh Phú Yên bây giờ gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Dưới cấp huyện có cấp Thuộc, dưới Thuộc là Phường là các làng nghề có quy mô như phường lụa, phường vải. *Nậu* là tổ một nhóm nhỏ trong phường cùng làm một nghề, người đứng đầu gọi là *đầu Nậu*.

Ví dụ: "Nậu nguồn" chỉ nhóm người khai thác rừng, "Nậu nại" nhóm người làm muối, "Nậu rỏi" nhóm người bán cá, "Nậu cấy" nhóm người đi cấy mướn, "Nậu vựa" nhóm người làm mắm…

(Nguồn: Bình Định Xưa / Dansaigonxua)

Hộ lý

Có những từ ghép hoàn toàn mang gốc Hán, song người Việt thay hẳn một yếu tố nào đấy để dùng riêng.
Như Hán ngữ dùng *hộ sĩ* thì Việt Nam dùng *hộ lý* (*).
Chúng ta dùng từ *họa sĩ,* Trung Quốc dùng từ *họa sư/họa công*.

(Phụ chú: * trước kia ở Tàu cũng có từ "hộ lý" nhưng dùng chỉ vị quan cấp dưới thay thế vị quan cấp trên để giải quyết công việc lúc quan cấp trên vắng mặt).

(Võ Ngân Vương - Tạp chí Tài hoa trẻ)

Chữ nghĩa đường văn ngõ chữ
Một số *từ ngữ cổ* hiện nay vẫn còn dùng

Khi mình nói về một chuyện gì đó *'to tát'* thì *'tát'* có nghĩa là gì?
'Tát' đúng ra phải dùng là *'tác'.*

'Tác' nghĩa là *lớn*, ta thường gặp qua từ *'tuổi tác'*. Khi nói 'tuổi tác' thì đã mang nghĩa lớn tuổi, già rồi. Do trong quá trình sử dụng đã có nhiều biến chuyển, nên 'tuổi tác' thường dùng để chỉ tuổi. Thậm chí tuổi còn nhỏ cũng dùng 'tuổi tác', ví dụ: 'Tuổi tác còn nhỏ', 'tuổi tác mới có bây lớn',…

Riêng từ *'to tác'* để *chỉ cái gì đó lớn* thì dùng thành 'to tát'. Tuy nhiên, để viết đúng chính tả tiếng Việt hiện đại thì mình vẫn cứ dùng…'to tát'.

(Nguyễn Lương Thịnh)

Chữ nghĩa làng văn

Nếu vào thập niên 20, khi còn là một đứa bé mới chín, mười tuổi lớn lên ở miền Nam Việt Nam, Bình Nguyên Lộc biết là vào năm 1987 ông sẽ ngồi ở một căn phố thuộc vùng Rancho Cordova, tiểu bang California, nói chuyện với một người Mỹ về *Hà Hương phong nguyệt truyện* và *Chăng Cà Mum*…, những lời phát biểu của ông sẽ mang tính chất châm biếm hơn là dự định.

Sau đó, khi đến thăm thư viện đại học Cornell, chúng tôi đã tìm ra *Hà Hương phong nguyệt truyện* – không phải in thành sách mà nằm rải rác trong các số báo *Nông cổ min đàm*,[3] một tờ báo ở miền Nam. Những gì Bình Nguyên Lộc kể với chúng tôi đều được kiểm chứng từ những nguồn tài liệu khác. Trí nhớ của ông về con người, tên sách và sự kiện đều rõ ràng và chính xác.

Những cuốn sách giáo khoa và lịch sử văn học – như của Dương Quảng Hàm và của Vũ Ngọc Phan – đều do những người ở miền Bắc viết. Những cuốn sách này cho rằng *những tiểu thuyết đầu tiên ra đời ở miền Bắc, đó là cuốn Tố tâm của Hoàng Ngọc Phách (1925) và Quả dưa đỏ của Nguyễn Trọng Thuật (1925).*

Mặc dù còn tuỳ thuộc vào cách hiểu thế nào là 'tiểu thuyết', công việc nghiên cứu của chúng tôi, ngược lại, đã chứng minh là những cuốn tiểu thuyết đầu tiên đã được viết ở miền Nam, và có lẽ Hồ Biểu Chánh, Lê Hoằng Mưu, Nguyễn Chánh Sắt xứng đáng hơn Hoàng Ngọc Phách hay Nguyễn Trọng Thuật trong danh hiệu cây bút viết tiểu thuyết đầu tiên ở Việt Nam.

Bình Nguyên Lộc cho biết mặc dù một số người miền Bắc có thái độ tương tự, ông nói: "Các học giả miền Bắc như *Dương Quảng Hàm đã không nhắc nhở đến các nhà tiểu thuyết miền Nam vì họ không đọc được tác phẩm của những người này chứ không phải vì họ không thích người miền Nam*. Tác phẩm của người miền Nam không được bày bán ở Hà Nội cho nên họ không biết chút gì về những tác phẩm đầu tiên đã được sáng tác ở miền Nam."

Khi cuộc phỏng vấn chấm dứt và máy ghi âm đã tắt, tôi (Phan Văn Giưỡng) không biết những người hàng xóm của Bình Nguyên Lộc tại Rancho Cordova nghĩ gì về ông. Có thể họ nghĩ ông cũng giống như bao nhiêu thuyền nhân khác, bao nhiêu người tị nạn khác. Có thể họ nghĩ ông – tác giả của trên 100 cuốn sách, trong đó có những công trình nghiên cứu uyên bác về nguồn gốc tiếng Việt. Nhưng tôi sực nhớ đến bàn viết đầy giấy tờ của ông. Tôi biết rằng từ ngày sang Mỹ, ông đã bắt đầu viết trở lại và xuất bản nhiều truyện ngắn và cảo luận trên các tạp chí văn học bằng Việt ngữ ở Hoa Kỳ và Canada.

(Nhớ lần thăm nhà văn Bình Nguyên Lộc - Phan Văn Giưỡng)

[3] Thư viện đại học Cornell không có đủ bộ Nông cổ mín đàm. Có thể phần đầu của *Hà Hương phong nguyệt truyện* được đăng tải trên số tháng Giêng 1915. Số báo đầu tiên chúng tôi có được trong đó có đăng truyện này là số ra ngày 2 tháng Ba 1915.

Đừng tưởng

Đừng tưởng góp sức là chung
Chỉ là lợi dụng lòng tin của người

(Bùi Giáng)

203 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hãy nói qua đôi dòng về Viên Linh, thái độ và cách sống với thơ, nghĩa là cung cách sáng tác và làm việc của anh. Viên Linh là một thi sĩ cần mẫn, sống hết đời mình cho thơ. Thơ viết ra là để trang trải cho đời, nhưng cũng là để cất giấu trong lòng.
Một người sống với thơ như vậy, xem thơ như tôn giáo của mình, thì tất nhiên anh nghiêm cẩn, chu đáo, tươm tất với thơ, chăm chút trên những dòng thơ anh viết ra, đâu có cách nào khác. Mỗi chữ anh lựa chọn chính là phù hợp với toàn bộ công trình thiết kế là bài thơ của anh. Nhiều lúc, anh phải đục đẽo cái dư thừa, cái không ăn khớp, thay thế cái không vừa ý bằng cái vừa ý hơn, thường xuyên tìm cách sửa đổi cái không cân xứng hay không hợp nhãn. Có lúc, anh còn đập phá hết cái cũ, để dựng lên một cái khác mới mẻ hoàn toàn. Như anh từng nói, những thứ anh viết ra có lúc là đá quý nhưng có lúc cũng chỉ là gạch ngói mà thôi. Tôi rất đồng ý với anh, gạch ngói tất là cần thiết nhưng không thể xếp…gạch ngói vào đó được.

Có người, như Lê Huy Oanh, Thanh Nam, Võ Phiến than phiền là Viên Linh *sửa thơ kỹ quá, cái cầu kỳ nhiều lúc thay thế cái tân kỳ, làm bài thơ mất đi cảm giác tươi mát ban đầu.* Riêng tôi, tôi thích thú và trân trọng cung cách đó của Viên Linh.
Tôi đã từng được xem bản thảo một bài thơ của Viên Linh, sửa chữa chằng chịt, chữ này trên chữ khác, dòng này trên dòng kia. Người đời thường bị ám ảnh chuyện Vương Bột hay Lý Bạch uống rượu, trùm mền ngủ say, rồi tỉnh dậy, viết một hơi là xong, không sửa một chữ nào, nhưng

đó chỉ là *giai thoại lưu truyền làm cho đẹp cái cõi văn chương* mà thôi. Vậy nên, việc làm thơ, rồi sửa chữa cẩn thận, sửa đi sửa lại, sửa cho đến bao giờ đạt tới cái hay mới dừng lại là một chuyện đáng tán dương.

(Thơ Viên Linh của thời lưu vong thất tán – Hùynh Hữu Ủy)

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Ba mươi năm: Khoảng cách và dấu nối

Nguyễn Trọng Tạo: *Ký sự đi Tây* của Đỗ Khiêm là biểu hiện của sự tìm kiếm có hiệu quả. Truyện ngắn của Trần Vũ trẻ hoá thể loại truyện ngắn đã trở thành công thức già nua. Giọng văn phê bình nghiên cứu của Võ Phiến kết hợp được văn chương với đời sống tâm hồn mà trở nên hấp dẫn thoát khỏi trơ cứng của lối văn nghị luận... ở trong nước người ta hay nhấn mạnh giá trị văn chương bằng chữ *hay*. Điều đó không sai nhưng xem xét sự xuất hiện của tác phẩm văn chương phải bắt đầu bằng sự nhận diện cái *mới*. Những *giá trị mới* là điều vô cùng quan trọng đối với người sáng tạo. Mới có thể chưa hay thậm chí không hay nhưng trong *hay* bao giờ cũng chứa đựng những giá trị *mới*. Có tạo ra những cái *hay-mới* thì mới phân biệt được với những cái *hay-cũ*. Tôi kính nể những người dấn thân tìm kiếm cái *mới* cho văn chương và tôi kính phục những người mang tới cho văn chương những cái *hay-mới*.

Gần đây tôi được đọc mấy cuốn lý thuyết về Thơ Tân Hình Thức rất thú vị nhưng đọc những bài thơ tân hình thức thì chưa sướng được. Không biết bao giờ thì lý thuyết tân hình thức và nhà thơ tân hình thức gặp nhau? Hình như tôi còn có một nghi ngờ gì đó về thơ tân hình thức giữa các ngôn ngữ tiếng Anh tiếng Pháp... và tiếng Việt; sự giãn cách khoảng trống cố ý (hay vô ý) giữa các từ? Liệu chúng ta có thoát khỏi bức tường phương Tây để bay tới bầu trời thơ ca tân hình thức Việt Nam?...

(Trần Nhuệ Tâm phỏng vấn Nguyễn Trọng Tạo)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Ăn bánh tráng trộn Hàng Trống

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Nguyễn Công Hoan: viết truyện ngắn

Truyện "Thịt người chết" (viết năm 1938), kể việc anh Xích do quá chén mà bị chết đuối vào đêm thứ bảy. Cha mẹ, bà con, xóm giềng khóc lóc, thương tiếc, nhưng không vớt xác lên chôn được mà phải chờ quan huyện tư pháp đến khám nghiệm tử thi.
Ngày chủ nhật quan không làm việc, cái xác bắt đầu trương lên, làm mồi cho cá, quạ, ruồi nhặng... Chín giờ ngày thứ hai quan mới đến. Để vòi tiền cha mẹ Xích, quan bảo đây là vụ án bức tử, phải bẩm tỉnh xin đốc tờ về mổ xác mới ra lẽ. Đau xót trước cảnh con chết đang nằm thối rữa dưới nước, cha Xích đành chấp nhận tạ ơn quan bảy mươi đồng, để được vớt lên chôn.

Đoạn kết truyện:
"Và một giờ sau, lũ ruồi, lũ nhặng, lũ cá, lũ quạ, tiếc ngẩn ngơ. Chúng có biết đâu rằng quan huyện tư pháp đã tranh mất món mồi ngon của chúng".

(Triều Nguyên)

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…"quởn"

Trở về tuổi thơ ở Cư Xá Cà Phê, Khương Thượng

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Sở Cuồng Lê Dư

Vừa làm việc, ông vừa biên soạn sách và cộng tác với các báo: *Nam Phong tạp chí, Hữu Thanh, Đông Thanh, Đông Tây*,...

Các tác phẩm của Lê Dư, gồm có:
Thảo Trạch anh hùng (Anh hùng nơi đầm cỏ)
Lịch sử Bằng Quận Công, tức Nguyễn Hữu Chỉnh, đăng trong *Nam Phong tạp chí* số 163, 164 (1931), *Tây Sơn ngoại sử*: Ngoại sử về Tây Sơn, đăng trong tạp chí *Đông Than Vị Xuyên thi văn tập*: Tập thi văn Vị Xuyên, tức tập thơ văn của Trần Tế Xương, xuất bản 1931
Phổ Chiêu Thiền sư thi văn tập: Tập thi văn của Thiền sư Phổ Chiêu, tức Phạm Thái, xuất bản 1932

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Thái Bá Tân và những bài thơ ngũ ngôn - 1

Thú thật, tôi (người sư tầm) mới chỉ biết đến nhà thơ Thái Bá Tân sau khi đọc bài "Thái Bá Tân và những bài thơ ngũ ngôn" của Mặc Lâm, biên tập viên RFA. Bài viết này khiến tôi tò mò lên mạng tìm hiểu về nhà thơ và khám phá nhiều điều thú vị.

Thái Bá Tân, sinh năm 1949, tại xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, Nghệ An, nơi ngày xưa có truyền thống văn chương của các "ông đồ xứ Nghệ". Thái Bá Tân có một tiểu sử khá ly kỳ, từ năm 1967 đến 1974 ông học khoa ngoại ngữ (phiên dịch tiếng Anh) tại Đại học Ngoại ngữ Matscova, Liên Xô. Về nước, trong thời gian 1975-1978, ông dạy tiếng Anh tại Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội. Ông về hưu rất sớm nhưng vẫn hoạt động trong lãnh vực văn chương và giáo dục.

Thái Bá Tân đã xuất bản khoảng 70 đầu sách, gồm thơ dịch, truyện ngắn và thơ sáng tác. Hơn 20 năm tổ chức các lớp học thêm tiếng Anh cho sinh viên, với gần 300 người một lớp, rất nhiều thế hệ học sinh, sinh viên miền Bắc đã trưởng thành và thành công từ lớp học tiếng Anh của ông.

Qua bài thơ *Tự bạch*, tác giả tâm sự:
Nói thật với các bác
Điều vẫn giấu xưa nay.
Sẽ khối anh nhảy cẫng,
Mắng thế nọ thế này.
Nhảy cẫng thì nhảy cẫng.
Việc họ làm cứ làm.
Tôi chưa hề, thú thật,
Tự hào người Việt Nam.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Trăm năm trong cõi người ta

Muốn sống thì phải cho ra cho vào
Chẳng tin lên hỏi Nam Tào
Nam Tào cũng bảo có vào có ra

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Thái Bá Tân và những bài thơ ngũ ngôn - 2

Ông giãi bày những điều ly kỳ về bản thân mình:
Tôi đi *bốn mươi nước*,
Làm gì và đi đâu
Liên quan đến cái xấu,
Tôi bảo tôi người Tàu.
Một lần ở nước Bỉ,
Ngủ với một em Tây.
Nó bảo: Tàu giỏi quá!
Tôi suýt nói: *Việt đây*
Duy nhất chỉ lần nọ,
Ở Havard, người ta
Khen tiếng Anh tôi giỏi
Tôi đáp: Việt Nam mà.

Bước sang đoạn kết của *Tự bạch*, Thái Bá Tân đã khiến người đọc ngỡ ngàng vì những câu thơ năm chữ rất…"phản động"!
Chứ nói chung là nhục.
Nhục phải làm thằng dân
Một nước giỏi nói phét,
Lãnh đạo thì ngu đần.
Riêng hai chữ "cộng sản"
Đã đủ nói phần nào.
Làm thằng dân cộng sản
Có gì mà tự hào?
Mà tự hào sao được
Khi mấy triệu dân ta
Vượt biên, thà chết biển
Hơn phải chết ở nhà!
Tự hào là yêu nước.
Yêu nước phải biểu tình.
Mà biểu tình nó oánh.
Quân ta oánh quân mình.

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Hàm rộng, miệng cọp: anh hùng
Hàm rắn, miệng chuột: bất trung vô nghì

Cuộc di cư của chữ nghĩa

Năm 1954, người ta nói đến cuộc di cư người, thật ra còn có cuộc di cư chữ nghĩa nữa. Người đi, chữ cũng đi theo. Chữ nghĩa miền Bắc cũng lềnh kềnh, lếch thếch nối đuôi nhau lên tầu há mồm.

Chuyến đi gian nan của người di cư thế nào thì chữ nghĩa cũng vậy. Chữ ở lại, chữ ra đi, chữ nào còn, chữ nào mất. Chẳng ai còn tâm trí đâu để lưu tâm tới điều đó. Chữ được di cư vào miền

Nam, chở đi rồi, bao nhiêu chữ đã rơi rụng, vung vãi dọc đường. Bao nhiêu chữ đã sống còn sau khi đã hội nhập với chữ bản địa.

Phải đợi đến sau ngày 30-4-1975, người ta mới có thể biết được sự còn mất này một phần nhờ so sánh chữ nghĩa giữa hai miền. Hình như cũng ít ai để ý đến cái mất, cái còn của chữ nghĩa, vì có quá nhiều cái mất cái được được lớn hơn. Cái mất lớn hơn đó để người khác lo, người viết lạm bàn về số phận chữ nghĩa người di cư sau 1954 và nếu có dịp về chữ nghĩa của người di tản.

Chữ mòn theo thời gian.
Cho dù không có cuộc di cư, chữ nghĩa cũng cách này cách khác bị sói mòn. Sự mất còn này trước hết là do sự sói mòn của thời gian. Chữ nghĩa như một vật dùng một lần thì còn ngon, nhưng dùng nhiều lần thì mòn hay cùn đi. Như cái kéo cắt mãi cũng phải cùn. Dao băm mãi cũng lụt đi.
Hình như chữ nghĩa dị ứng với cái lập đi lập lại. Tất cả những ngữ nghĩa trên chỉ ra một điều: Thời gian và sự đi lập lại có thể làm *sói mòn, hoen rỉ chữ nghĩa*. Tâm lý con người lại ưa chuộng cái mới, cái lạ. Như trong tình yêu, dùng chữ đó với nhau lần đầu, *trọng lượng của chữ nặng lắm*, thấm thía lắm, cảm động lắm. Dùng lần thứ hai thấy nhẹ đi rồi.

(Đặng Trần Huân? hay Nguyễn Văn Lục?)

Tướng mạo con người qua ca dao, dân ca

Mụt ruồi màng tang cả làng ăn thép.
Mụt ruồi bên mép, ăn thép cả làng,

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây - 1

Đoạn văn này được cố nhà thơ Phạm Tiến Duật viết khi ông còn sống, với những kỉ niệm nhỏ xung quanh bài thơ "Trường Sơn đông - Trường Sơn tây".

(Phạm Tiến Duật thứ 2 bên phải)

Bài thơ Trường Sơn đông – Trường Sơn tây tôi sáng tác hồi cuối năm 1969 tại một làng nhỏ bên bờ sông Son của tỉnh Quảng Bình, làng Cổ Giang, một làng nghèo khó mà nền nếp. Cái làng ấy ở không xa nơi cổng đường 20 xe ngang dãy núi Trường Sơn. Thấm thoát đã gần ba mươi năm rồi. Tuổi đất, tuổi người dài ra cũng ối chuyện mà tuổi tác phẩm – của bất kỳ ai – dài ra cũng không ít chuyện.

Từ nhiều năm nay, bài hát cùng tên phổ thơ tôi do nhạc sĩ Hoàng Hiệp làm nhạc. Câu thơ *Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ* của bài thơ ấy được băng hình đánh chữ là *Cái gạt nước xua tan nỗi nhớ*. "*Xua tan*" như thế thì còn gì là tình yêu. Băng hình không chỉ "xua tan" nỗi nhớ mà còn "xua tan" cả thơ ca nữa. Lỗi ấy người làm băng chứ không phải nhạc sĩ. Cũng phải nói thêm rằng những người làm băng ấy vi phạm bản quyền, phớt lờ tác giả. Câu chuyện ấy chỉ làm tôi buồn cười chứ lạ sao không thấy bực mình. Thì văn hóa tới đâu thì làm tới đó, chứ biết làm sao. Mà họ có làm văn hóa đâu, họ làm kinh tế đấy chứ.

Cả bài thơ, làm xong cuối năm 1969, nhưng *hai dòng đầu tiên thì có trước đó gần hai năm*. Bây giờ, nhận vật tạo hứng cho thơ đang sống ở Hà Nội, một họa sĩ đã thành danh. Hồi ấy, *anh ta yêu một cô y tá ở phía đông Trường Sơn*. Ngồi chung *một ca-bin xe đi sang phía tây*, suốt đường anh ta nhắc đến người yêu. Nỗi nhớ của anh lây lan sang cả tôi, sang cả người lái xe. Mãi đến khi trời

mưa, *cái gạt nước phía trước mặt* đã giúp tôi viết hai dòng đầu tiên: *Anh lên xe trời đổ con mưa / Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ.*

(Vương Trí Đăng)

Ca dao Tết

Con ơi! ham học chớ đùa
Bữa mô ngày Tết thỉnh bùa thầy đeo

Góp nhặt phố văn ngõ chữ

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây - 2

Bài thơ được viết sau nhiều chặng đường vượt rừng gian nan. Cho đến nỗi, nếu chưa từng ở rừng, vượt rừng thì khó bề thông cảm hết với thơ ấy, bài ấy. Chẳng hạn như câu này: *Nước khe cạn, bướm bay lèn đá* không phải là một câu thơ tả đẹp mà là một quan sát đáng run sợ của lính trinh sát. *Nếu thấy cảnh ấy vào lúc chập chiều thì cầm chắc là đói vì không thể có nước nấu cơm.* Mười cây số vuông quanh đí không thể có nguồn nước. Hay là câu này: *Muỗi bay rừng già cho dài tay áo*, một bạn Việt kiều và một nhà thơ Pháp đã dịch là *Muỗi bay, mọi người mặc áo măng tô* vào thì thật buồn cười. Họ không đi lính thì trách sao được.

Bây giờ, đọc lại nghe lại, như một người ngoài cuộc vô cảm tôi vẫn thấy trong lòng bồi hồi. Từ nhiều năm nay thật nhiều bài thơ người ta gọi là thơ tình, nhiều ca khúc người ta gọi là tình ca. Nhưng sao nghe chỉ thấy tán tỉnh, có lúc tán tỉnh đến thô lỗ. Thấy quá nhiều sự ích kỷ nhuộm vào các câu chữ. Nhớ lại thời ấy, không phải để tự khen mìn và đồng đội của mình mà rưng rưng cảm động. Hình như, không yêu được số đông người thì cũng khó mà yêu lấy một người. Sự ích kỷ với thiên hạ có chứa lực phản.
Không, không chỉ một tôi viết *Trường Sơn Đông – Trường Sơn Tây* mà cả *con muỗi, con bướm, cái gạt nước, ngọn măng rừng* và đồng đội của chúng ta cùng viết.

(Vương Trí Đăng)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chỉ có *bia* mới hiểu bụng…mênh mông nhường nào
Chỉ có *bụng* mới biết…bia đi về đâu

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể văn "Ký sự"

Bắc sứ thông lục – Lê Quý Đôn

Chuyện kiến trúc thành quách
Chu Bội Liên chấp nhận lời biện bác ấy rồi chuyển sang hỏi về thành quách. Ta đáp : "Từ xưa, dựng đô lập ấp, phải xem âm dương, xét trời đất, nhắm trước sau. Còn như thành đô nước tôi, thì cùng một chế với thành quách xưa nay. Vả chăng, chín cửa thành Kinh sư (Bắc Kinh) và những dinh thự sáu bộ và các Tự, các Viện đều bởi *quan thái-giám nước tôi* tên *Nguyễn An* xây nên đời Vĩnh Lạc Việc ấy được chép trong sách *Hoàng Minh thông kỉ.* Nhân tiện xin trình".
Một mặt, ta nhắc lại, cái *cửa Thiên An Môn* cùng 8 cửa khác của thành Bắc Kinh là công trình của người nước ta đời Trần, thời Hồ Quý Ly, cũng như doanh thự trong thành với *súng Thần Công An Nam do Hồ Nguyên Trừng* (1) *chế tạo cho nhà Minh*. Việc nầy người Trung Quốc vẫn biết.

Một mặt khác, ta giải thích một cách chí lý chiến lược "của không nhà trống" để cảnh giác người Thanh. Chu Bội Liên phải khen rằng: “Sứ quân biện cực tài. Nhưng cuối cùng, tôi cho rằng như thế không bằng xây thành quách làm hiểm trở mà tự thủ ...”.

(1) xem Nam Ông Mộng Lục – Hồ Nguyên Trừng ở dưới.

Bên lề chữ nghĩa

Hà Nội những điều nhỏ bé bạn nên làm khi…”quở n”

Mùng 1 lên Phủ Tây Hồ thắp hương

(Nguồn: Tôi đi đâu)

Ô Quan Chưởng

Tại sao cửa ô Thanh Hà.gọi là Ô Quan Chưởng? Theo những điều còn ghi lại trong gia phả của họ Đào thì năm 1873, có *một viên quan Chưởng cơ* người Bắc Ninh nổi lên đánh Pháp, chẳng may bị bắt ở Gia Lâm, quân Pháp giải về Hà Nội chém đầu và đem bêu bên bờ sông Cái phía trước cửa ô Thanh Hà, giao cho Cai tổng Đồng Xuân canh giữ.

Ngay đêm đầu tiên, ông Cai tổng nghe tiếng chó sủa ngoài sông vọng về, cho tuần đinh ra tra xét thì thấy có hai chiếc đò cứ lởn vởn ở khúc sông gần chỗ bêu đầu quan Chưởng cơ. Sợ có người đến lấy đầu của quan Chưởng cơ, ông Cai tổng bèn cho đem thủ cấp vào treo trong cửa ô Thanh Hà. Hôm sau người nhà quan Chưởng cơ đến thương lượng, xin ông Cai tổng cho chuộc lại thủ cấp. Biết đây là một nghĩa cử phải làm, nhưng để khỏi mang tội với quan trên, ông Cai tổng bèn lên bẩm báo với đốc lý thành phố, xin cho đem thủ cấp trôi sông để giữ vệ sinh trong khu dân cư. Đêm hôm đó, ông Cai tổng trao trả thủ cấp cho gia đình quan Chưởng cơ, rồi sáng sớm hôm sau sai tuần đinh tin cẩn lấy *một hòn đất to bọc vải cho vào một cái rọ đem ra giữa sông*. Trước khi ném cái rọ xuống sông phải hô to cho mọi người trong bờ nghe rõ: “Theo lệnh quan trên, thủ cấp này phải trầm hà!”.

Câu chuyện *quan Chưởng cơ* bị bêu đầu được lan truyền trong tổng Đồng Xuân, từ đấy ai đi qua cửa ô cũng gọi là *ô Quan Chưởng*.

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại “Văn sử”

Nam Ông Mộng Lục – Hồ Nguyên Trừng - 1

Từ 10 năm nay chúng ta đã có được văn bản *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng với đầy đủ nguyên bản chữ Hán gồm *31 thiên truyện* và phần phiên âm, dịch nghĩa, chú giải. Nói riêng mối quan hệ *văn sử* ở tác phẩm *Nam Ông mộng lục* vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn thảo.

Hồ Nguyên Trừng (1374-1446), hiệu Nam Ông, người Đại Lại, Thanh Hóa. Ông là con trưởng của Hồ Quý Ly nhưng không làm vua, mà chỉ giữ chức Tư đồ Tả tướng quốc. Năm 1407, từ Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng, Hồ Hán Thương, đến con cháu đều bị bắt giải về Kim Lăng,.

Vì biết chế tạo súng “thần cơ”, một thứ vũ khí vượt hẳn các loại súng đương thời của Trung Quốc, Ông được nhà Minh tha không giết và sai trông coi việc chế tạo vũ

khí. Ông dần dần được thăng làm Lang trung, rồi Công bộ Hữu thị lang, Công bộ Tả thị Lang (1436), Công bộ Thượng thư (1445). Ông mất vào tháng 7 năm Chính thống (1446), thọ 73 tuổi.

Nam Ông mộng lục được viết xong vào năm1438, là tác phẩm duy nhất hiện còn của Hồ Nguyên Trừng. Bài tựa của Hồ Huỳnh, bạn đồng liêu với Hồ Nguyên Trừng, ông cho hay:
"Qua Nam Ông mộng lục người ta phần nào hình dung được đất nước con người Việt ta (cách đây hơn 600 năm). Các mảng đời sống, lề thói... rất sinh động và chân thật". Bạn đồng liêu tiếp: "Văn họ Hồ ngắn gọn mà nghiêm trang, cẩn mật, cao nhã mà uyên bác, theo tình kể lại, theo nghĩa đặt lời... Ca ngợi sự tiết nghĩa thì bừng bừng cảm khái, biểu dương trước thuật thì siêu thoát, thanh tân, có thể nuôi dưỡng tính tình..."

(Nguyễn Hữu Sơn)

Hà Nội, Hà Lội ơi

Non nửa thế kỷ trước, nhà văn Vũ Bằng cho ra đời thiên tuỳ bút "Thương nhớ mười hai". Qua tuỳ bút, Vũ Bằng đã dựng nên cả một "trời thương nhớ" với những hình ảnh đẹp và thơ mộng đến nao lòng. "Có ai đã xa Hà Nội lâu ngày, một chiều hiu hắt vọng về Hà Nội, nhớ từng cái ngõ, từng cái nhà; nhớ từ vườn Bách Thảo, hồ Hoàn Kiếm nhớ đi; nhớ từ những hoa sấu rụng ở trên đường đầu thu nhớ xuống". Nhớ hoa sấu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng Hải Đậu rụng xuống bờ sông đào".

Hà Nội hôm nay đang *phản bội* lại những ai yêu nó. Hà Nội hôm nay không còn thướt tha đài các mà trở nên bệ rạc nhếch nhác bê tha. Người Tràng An "dẫu không thanh lịch" thuở nào nay đang bị lưu manh hoá, từ giới bình dân cho tới giới tri thức. Và hình như, họ tự hào về điều đó. Đâu là nguyên nhân dẫn tới thảm cảnh này? Cũng chẳng cần nghiên cứu thấu triệt cũng thấy được cái nguyên nhân lồ lộ ra đó.

(Vương Văn Quang)

Ao nghiên ruộng chữ: người trăm năm cũ
Thể loại "Văn sử"

Nam Ông Mộng Lục – Hồ Nguyên Trừng - 2

Từ mười năm nay chúng ta đã có được văn bản *Nam Ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng (1374-1446) với đầy đủ nguyên bản chữ Hán. Nói riêng mối quan hệ văn sử ở tác phẩm *Nam Ông mộng lục* với bộ sử chính thống *Đại Việt sử ký toàn thư* với các nguồn thư tịch khác qua cấu trúc văn bản, nội dung và hình thức nghệ thuật của văn sử trong *Nam Ông mộng lục*…

Trong tổng số 31 có 2 truyện liên quan trực tiếp đến dòng dõi tác giả. Truyện *Y thiện dụng tâm và Thi triệu dư khánh* kể về người ông bên ngoại.
Có 4 thiên truyện ghi chép truyện thời nhà Lý (1010-1224). Trong số 27 truyện liên quan đến triều đại nhà Trần (1225-1400) - Hồ (1400-1406) có 7 truyện ghi chép các sự kiện dưới triều vua Duệ Tông (1373-1377), Phế Đế (1377-1388), Thiếu Đế (1399-1400), Hồ Hán Thương (1400-1406)..

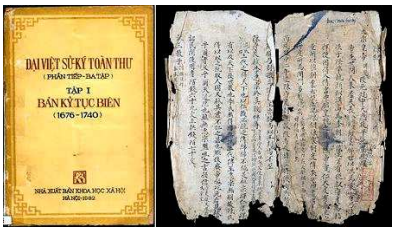

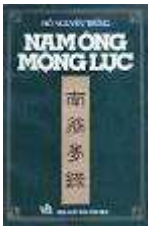

Đây khoảng thời gian mà tác giả đã sinh ra, trưởng thành, có thể từng chứng kiến hoặc được người đương thời biết đến và kể cho nghe. Các truyện này gồm: *Phu thê tử tiết* kể về người đàn bà họ Hồ chết theo chồng. *Ni sư đức hạnh* kể lại đức hạnh của sư bà họ Phạm. *Thi phúng trung gián* kể về sự kiện Trần Nguyên Đán (1325-1390) can gián vua. *Thi tửu kinh nhân* kể chuyện Hồ Tông Thốc có tài uống rượu, làm thơ. *Thi xứng tướng chức* chép việc Trần Nghệ Tông khi mới làm tướng quốc đã có bài thơ tiễn sứ giả nhà Nguyên...Trong số 16 truyện ngắn văn sử xuất hiện ở cả hai văn bản, thứ tự các văn sử ở *Nam Ông mộng lục* không trình bày theo trình tự thời gian, triều đại như trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(Nguyễn Hữu Sơn)

Thăng trầm chữ Việt

Ngoài việc cho phổ biến chữ Việt bằng báo chí, họ đã cho mở các trường học dạy tiếng Việt và tiếng Pháp, từ đó hình thành một nền giáo dục Việt – Pháp ở nước ta.
"Ngày 17-2-1859, ngay khi đổ bộ lên Sài Gòn, đô đốc R. de Genouilly đã thấy có mặt tại đây một chủng viện và một trường học gọi là Trường D'Adran (D'Adran tức giáo sĩ người Pháp Pierre Pigneaux de Béhaine còn được gọi là Bá Đa Lộc) do hội truyền giáo nước ngoài thiết lập. Học sinh trường này học đọc và học viết chữ quốc ngữ. Họ cũng được học tiếng Latin, đôi khi vài chữ tiếng Pháp" (Nguyễn Phú Phong – *Chữ quốc ngữ bành trướng từ Nam ra Bắc*).

Như vậy, *D'Adran là trường đầu tiên dạy chữ Việt ở Sài Gòn cũng như Việt Nam.* Để có người làm thông ngôn trong giai đoạn đầu tiên, ngay năm 1861 sau khi chiếm Sài Gòn, Bonard đã quyết định "tài trợ" một phần chi phí và sau đó "nâng cấp trường (D'Adran) thành một trường cao đẳng với tên đầy đủ là Collège Annamite-Français de Monseigneur l'Évêque d'Adran" (ngày 8-5-1862).

Không rõ cái tên D'Adran tồn tại cho tới năm nào, nhưng *trên nền trường này* sau đó mọc lên hai trường trung học khá nổi tiếng ở Sài Gòn, đó là *Trường Võ Trường Toản* và *Trường Trưng Vương*.

(Trần Nhật Vy)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Như trên ta thấy hoa tầm xuân có màu đỏ, trắng hoặc vàng. *Nhưng tại sao lại nở ra xanh biếc***?** Xanh biếc? Xanh ở đây hình như không phải là màu xanh, mà là diễn tả cái mức độ *tươi đẹp nhất của tuổi đương xuân cô gái trẻ.* Ta vẫn nghe nói "đầu bạc-*đầu xanh*" ám chỉ người già người trẻ.

Các bác đã định nghĩa "tầm" xuân là *tìm* (tầm) lại mùa xuân đã mất, tìm lại cái mùa tươi mát, đẹp nhất trong 4 mùa. Theo kobe tôi "tầm" có nhiều nghĩa, ở đây là thước đo, tầm mức. Ta vẫn thường nó : "xa thì không xa, gần thì không gần nó ở ngay trong *tầm* tay".
Như vậy "Tầm Xuân" là ở ngay lằn mức đương xuân. Ở quá cái mức thì hơi già, ở dưới cái mức thì hơi non. Vì thế nụ tầm xuân nở ra không đỏ lòm, không trắng bệch, không vàng khè mà là "xanh biếc". Vậy mới cực đẹp, là giai đoạn cực phẩm.
Lúc đó anh chàng hối hận vì xưa kia nghèo quá, có 3 đồng mà cũng không chạy chọt vay nợ để mua trầu cau đặt cọc. Giờ thì ván đã đóng thuyền, chỉ còn ngồi than thở đặt thơ làm ca dao *Bây giờ nàng đã theo ai - Gặp anh ghé nón chạm vai chẳng chào*

(Nguồn: theo kobe tôi)

Ngôn ngữ: thói "ăn" nếp "ở" của người Việt qua cách nói

Còn "ăn" trong "ăn quịt" nguyên thuỷ hẳn có nguồn gốc "ăn xong, lĩnh mất, không trả tiền". Nhưng khi "ăn" cặp kè với "vạ", ngộ nghĩnh thay, "ăn" bay mất nghĩa gốc. "Ăn vạ" thường thấy ở trẻ con. Nhiều bà mẹ than: "Thằng út nhà tôi, mỗi lần đòi gì không được là lăn ra *ăn vạ*, khóc lóc thảm thiết"
Tương tự như trong chuyện bài bạc "ăn" đồng nghĩa với "thắng". Hoặc trong "*ăn gian*": Gian lận để thắng. Đối với trẻ con, ăn gì cũng thích, chỉ không hảo mấy món "ăn đòn", "ăn roi", "ăn chổi lông gà", v…v…mà thôi.

Gặp trường hợp bà mai đưa ảnh cho xem, thòng theo câu nói: "Tại con nhỏ chụp hình không *ăn ảnh*, chớ ngoài đời cổ ngó coi đẹp gái lắm"; hoặc có ai đó chặc lưỡi xuýt xoa: "Cô đào cải lương lúc nhỏ té thùng đinh, mặt rỗ như tổ ong, vậy mà phấn son lên sân khấu, *ăn đèn* dễ sợ!".

(Ngô Nguyên Dũng)

Thành ngữ tục ngữ…sai

Người trần mắt thịt
(Lời người mê tín cho rằng người thường không linh thiêng như thần thánh)

GS hiểu nhầm rồi. Không phải *"người thường không linh thiêng như thần thánh"* mà không thể *nhìn thấy* thần thánh, không hiểu hết sự linh thiêng của thần thánh nên dễ phạm sai lầm, tội lỗi với các ngài. Bởi thế, khi khấn khứa, người ta thường nói "*chúng con người trần mắt thịt, có điều gì sất sá* (tức không hiểu hết được ý tứ của thần thánh) cúi xin các ngài *đánh hai chữ "đại xá"* là vậy.

(Hoàng Tuấn Công)